LỜI MỞ ĐẦU

Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường đã khẳng định tầm quan trọng của thương mại trong đời sống kinh tế xã hội. Với vai trò là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, thương mại đã làm cho quá trình lưu thông hàng hoá được nhanh chóng và thuận tiện hơn, người mua có thể tìm thấy ở doanh nghiệp kinh doanh thương mại nhiều loại hàng hoá mà mình cần. Trước đây, trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, các doanh nghiệp thương mại hoạt động theo chỉ tiêu sản xuất của nhà nước. Nhưng hiện nay, để đứng vững và phát triển doanh nghiệp thương mại phải nắm bắt và đáp ứng được tâm lý, nhu cầu của người tiêu dùng với sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ, mẫu mã phong phú nhằm làm tốt cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng cũng như góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

Đối với tất cả các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp kinh doanh thương mại nói riêng thì vấn đề doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn được đặt ra trước nhất. Bởi vì nó cho ta thấy được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp có tốt không, có đạt được mục tiêu là doanh thu cao, chi phí thấp, lợi nhuận nhiều như doanh nghiệp đó đã đề ra không?. Đó cũng là mục tiêu hàng đầu của mọi doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tình hình tổ chức hạch toán kế toán tại Công ty TNHH An Hải Liên, kết hợp với lý thuyết đã được học ở trường, những hiểu biết về các nghiệp vụ kinh tế cùng với việc đi sâu nghiên cứu trong quá trình thực tập em đã chọn đề tài: ***"Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH An Hải Liên***" cho khoá luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung của khoá luận ngoài phần mở đầu và kết luận đươc kết cấu làm 3 chương:

Chương 1***: Những vấn đề lý luận chung về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

Chương 2***: Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH An Hải Liên.***

Chương 3***: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH An Hải Liên.***

Với kiến thức tích luỹ còn hạn chế, phạm vi đề tài rộng và thời gian thực tế chưa có nhiều nên bài viết khó tránh khỏi những thiếu sót, em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo, các cô chú, anh chị trong phòng kế toán công ty để khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Dưới đây em xin đi vào trình bày nội dung của khoá luận.

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.Một số nét về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

1.1.1. Doanh thu.

1.1.1.1. Khái niệm

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

1.1.1.2. Vị trí và vai trò của doanh thu

Trước hết doanh thu là nguồn thu quan trọng để doanh nghiệp bù đắp chi phí, trang trải số vốn đã bỏ ra như chi phí về tiền lương, thưởng của người lao động, chi phí nguyên vật liệu, thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước…Đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, là nguồn để có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác.

Doanh thu là đòn bẩy kinh tế quan trọng có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra sức phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Doanh thu cao nghĩa là quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hoá dịch vụ của doanh nghiệp tốt, góp phần làm tăng tốc độ luân chuyển vốn và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo.

Nếu doanh thu của doanh nghiệp không đủ bù dắp những chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra, doanh nghiệp sẽ khó khăn về tài chính, và nếu tình trạng

này kéo dài, doanh nghiệp sẽ không đủ sức tồn tại dẫn đến phá sản doanh nghiệp.

1.1.1.3. Các loại doanh thu và nguyên tắc xác định doanh thu

1.Các loại doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là tổng giá trị được thực hiện do việc bán hàng hoá, sản phẩm cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hoá đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được liên quan tới hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán.

Thu nhập khác: Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Các nguyên tắc xác định doanh thu

- Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

-Giá trị hợp lý: Là giá trị tài sản có thể được thay đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

- Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được quy định tại chuẩn mực "Doanh thu và thu nhập khác", nếu không thoả mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu thì không hạch toán vào doanh thu.

-Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi

nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

-Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.

-Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT).

-Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu)

-Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu bán hàng sẽ được ghi nhận khi tất cả các điều kiện sau được thoả mãn:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền lợi sở hữu sản phẩm hàng hoá.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như là người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

- Giá trị các khoản doanh thu được xác định một cách chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

3. Các yếu tố làm giảm doanh thu

- *Chiết khấu thương mại*: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- *Giảm giá hàng bán:* Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng…

- *Hàng bán bị trả lại:* Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối thanh toán và trả lại do người bán vi phạm cam kết…

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như rượu, bia, thuốc lá…

- *Thuế xuất khẩu*: Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần.

1.1.2. Chi phí

1.1.2.1. Khái niệm *:*

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu..

1.1.2.2.Vị trí và vai trò của chi phí

Chi phí là yếu tố để tạo ra doanh thu, nó được đối trừ với doanh thu để xác định kết quả kinh doanh, do đó cũng như doanh thu nó được trình bày theo tính chất của các hoạt động mà nó được phát sinh ra từ hoạt động đó.

Chi phí trong doanh nghiệp được phản ánh là chi phí sản xuất kinh doanh, tính giá thành sản phẩm, dịch vụ, phản ánh giá trị hàng hoá, vật tư mua vào, trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ bán ra; phản ánh chi phí tài chính; phản ánh chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc các ngành và các thành phần kinh tế.

Chi phí có vai trò quan trọng trong các doanh nghiệp vì chi phí là các khoản mà doanh nghiệp phải chi trả cho các hoạt động tài chính. Nếu doanh nghiệp biết cách chi tiêu hợp lý sẽ mang lại nhiều lợi ích cho công ty, giúp doanh nghiệp thu được lợi nhuận cao nhất.

1.1.2.3. Các loại chi phí và nguyên tắc xác định chi phí.

1. Các loại chi phí

Giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

*Chi phí bán hàng:*Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, Chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo….

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp, bao gồm các chi phí như: Chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, Chi phí vật liệu văn phòng…

Chi phí hoạt động tài chính: Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh…

Chi phí khác: Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp bao gồm: Chi phí thanh lý, Tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế…

2.Các nguyên tắc xác định chi phí

Mỗi doanh nghiệp chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp hạch toán hàng tồn kho, hoặc phương pháp kê khai thường xuyên, hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ và được áp dụng nhất quán ít nhất trong một niên độ kế toán.

Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ : Cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê để xác định giá trị thành phẩm, hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ. Trên cơ sở kết quả kiểm kê xác định giá trị hàng tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ và giá trị vật tư, hàng hóa mua vào trong kỳ để xác định trị giá vật tư, hàng xuất sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh và trị giá

vốn của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.

1.1.3. Kết quả kinh doanh

1.1.3.1. Khái niệm:

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ kế toán năm.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính: Là chênh lệch giữa thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác: Là chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- *Tổng lợi nhuận trước thuế*: là tổng kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- *Tổng lợi nhuận sau thuế*: là số chênh lệch giữa tổng lợi nhuận kế toán trước thuế với thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

1.1.3.2. Ý nghĩa của kết quả kinh doanh

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc "lấy thu bù chi và có lãi". Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý…

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp…Ngoài ra nó còn là cơ sở để

xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân người lao động.

1.1.3.3. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được được xác định bằng công thức sau:

Lãi(lỗ) từ hoạt động KD	=	DTT về BH và cung cấp DV	-	Giá vốn hàng bán	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí hoạt động tài chính	-	CPBH và QLDN tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ

Trong đó: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tính bằng tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ đi các khoản giảm trừ.

Kết quả hoạt động khác là các kết quả từ hoạt động bất thường khác không tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Để phục vụ yêu cầu quản trị của doanh nghiệp, kết quả kinh doanh có thể được phân biệt rõ thành kết quả riêng của từng loại hoạt động như kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, kết quả hoạt động tài chính, kết quả khác. Trong đó kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ còn có thể được xác định theo từng nhóm, từng loại, từng sản phẩm, hàng hoá dịch vụ riêng biệt.

Kết quả kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp chính là lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế TNDN. Và được xác định bằng công thức sau:

Lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ Hoạt động KD	+	Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Lợi nhuận trước thuế TNDN	-	Chi phí thuế TNDN

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ có thể mang giá trị âm hoặc dương(lỗ hoặc lãi). Nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính.

1.1.4. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.4.1. Vai trò

Từ số liệu do kế toán bán hàng cung cấp, Nhà nước sẽ thực hiện việc kiểm tra giám sát tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp từ đó đưa ra các công cụ, các chính sách thích hợp nhằm thực hiện các kế hoạch, đường lối phát triển nhanh chóng và toàn diện nền kinh tế quốc dân

Các nhà quản trị, nhà cung cấp, nhà đầu tư…sẽ dựa vào đó để nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh của mình. Ví dụ như có nên tiếp tục quan hệ làm ăn với doanh nghiệp hay không, có nên cho vay hay đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

Trong quản lý tài chính ở các doanh nghiệp hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng vì nó là công cụ không thể thiếu được để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động về kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho yêu cầu quản lý tài chính Nhà nước và yêu cầu quản lý kinh doanh, bảo vệ tài sản, thực hiện hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.4.2. Nhiệm vụ

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu rất quan trọng. Bởi nếu không phản ánh đúng, đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ rất khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác các khoản doanh thu các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp,

đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn bán hàng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả bán hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh cho nhà quản trị đầy đủ, kịp thời và chính xác.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

1.2. Tổ chức công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Các trường hợp hạch toán hàng tồn kho

Có 4 trường hợp hạch toán bao gồm:

- Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ và tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Trong các phương pháp trên phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được sử dụng tương đối phổ biến. Trong thời gian có hạn khoá luận của em

chỉ đi sâu nghiên cứu vào phương pháp này. Đồng thời sử dụng phương pháp này trong nghiên cứu khoá luận.

1.2.2. Hạch toán kế toán doanh thu trong doanh nghiệp.

1.2.2.1. Hạch toán kế toán chi tiết doanh thu

Chứng từ sổ sách sử dụng

- Hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hoá đơn thông thường Mẫu số 01 GTKT-3LL, Hoá đơn giá trị gia tăng(Mẫu số 02 GTTT-3LL)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 03 PXK-3LL)
- Tờ khai thuế GTGT
- Phiếu thu tiền mặt (Mẫu số 01-TT)
- Uỷ nhiệm chi, séc chuyển khoản,...
- Bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra
- Sổ cái và sổ chi tiết tài khoản 511, 512, 515, 521, 531, 532, 333
- Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính

1.2.2.2. Hạch toán kế toán tổng hợp tổng hợp doanh thu bán hàng

Tài khoản sử dụng

1.Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

Kết cấu của TK 511:

Bên nợ: - Các khoản giảm doanh thu bán hàng (Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại)

- Số thuế xuất khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số thành phẩm được xác định trong kỳ.

- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần sang tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.

Bên có: Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ.

Tài khoản 511 không có số dư.

Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp 2

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

2.Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ.

TK này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Kết cấu của TK512:

Bên nợ: - Phản ánh trị giá hàng bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong nội bộ.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá đã bán nội bộ

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh.

Bên có: Doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán

.

Tài khoản 512 không có số dư.

Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2

TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Sơ đồ 1: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

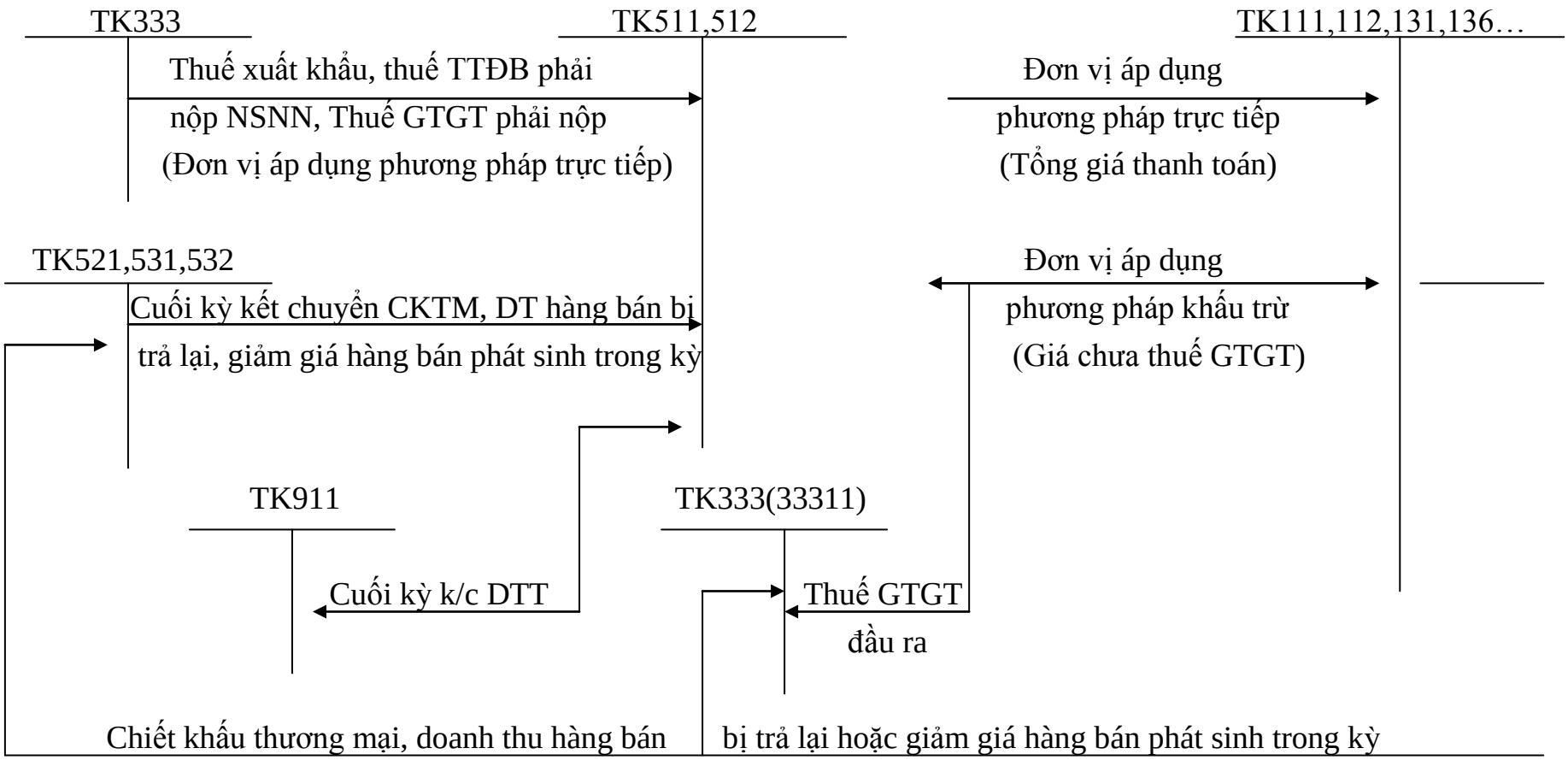

Chú ý: Doanh thu thuần được xác định:

Doanh thu thuần	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Chiết khấu thương mại	-	Doanh thu hàng bán bị trả lại	-	Doanh thu hàng giảm giá - Thuế xuất khẩu, thuế TTĐB phải nộp NSNN, thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)

1.2.2.3. Hạch toán kế toán tổng hợp doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được phản ánh trên Tài khoản 515 bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay chưa thu được tiền..

Kết cấu TK515:

Bên nợ: - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp nếu có

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911.

Bên có: - Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.

- Chiết khấu thanh toán được hưởng.

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh của hoạt động kinh doanh, phát sinh khi bán ngoại tệ, do đánh giá lại các khoản mục có nguồn gốc ngoại tệ.

- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản(giai đoạn trước hoạt động).

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

TK 515 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 2: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu hoạt động tài chính

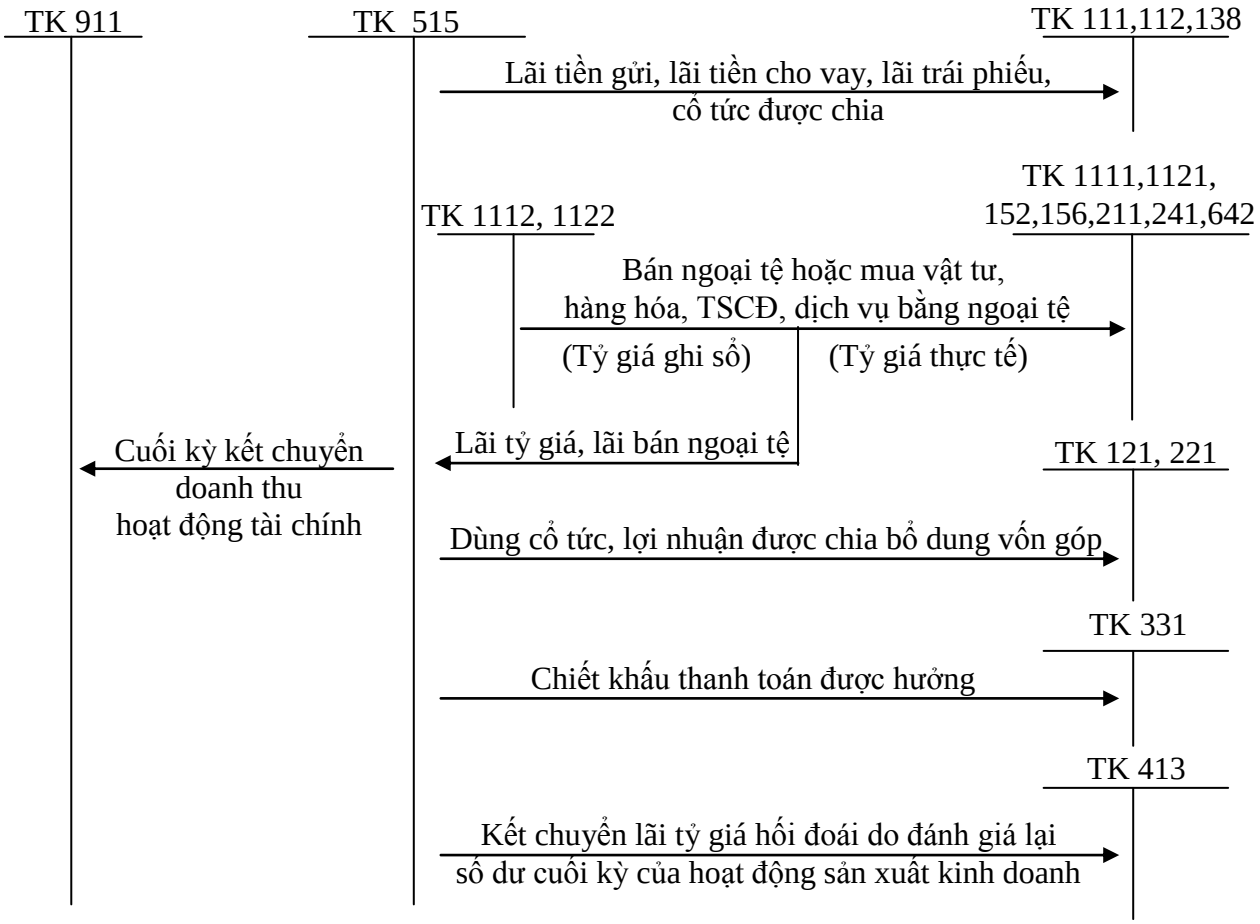

1.2.2.4. Hạch toán kế toán tổng hợp các khoản giảm trừ doanh thu

1.Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại là các khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Kết cấu của TK521:

Bên nợ: Chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tk521 không có số dư cuối kỳ.

TK 521 gồm 3 tài khoản cấp 2:

TK5211 – Chiết khấu hàng hoá

TK5212 – Chiết khấu thành phẩm

TK5213 – Chiết khấu dịch vụ

Sơ đồ 3: Sơ đồ kế toán tổng hợp chiết khấu thương mại

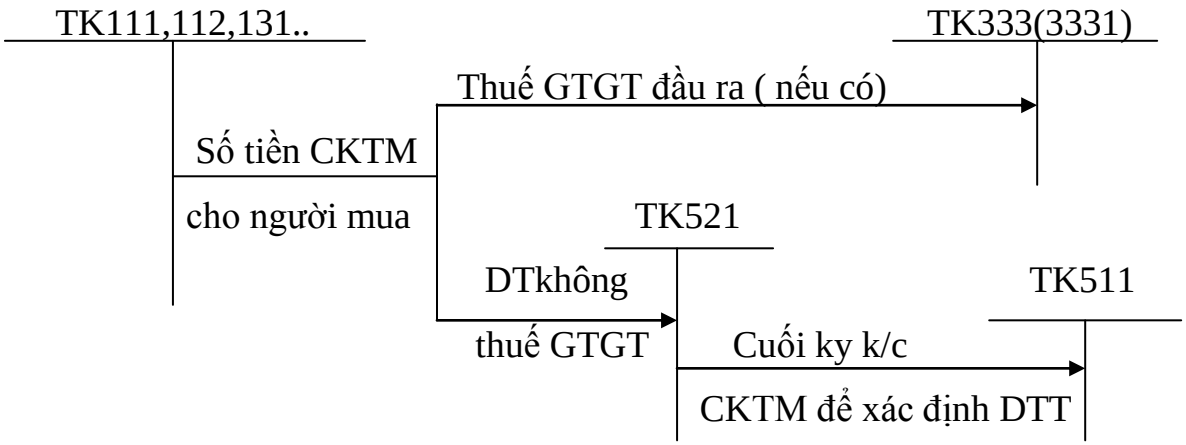

2.Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là bán hàng hoàn thành bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

Kết cấu của TK 531:

Bên nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

Bên có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ của TK511 hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư.

Sơ đồ 4: Sơ đồ kế toán tổng hợp hàng bán bị trả lại

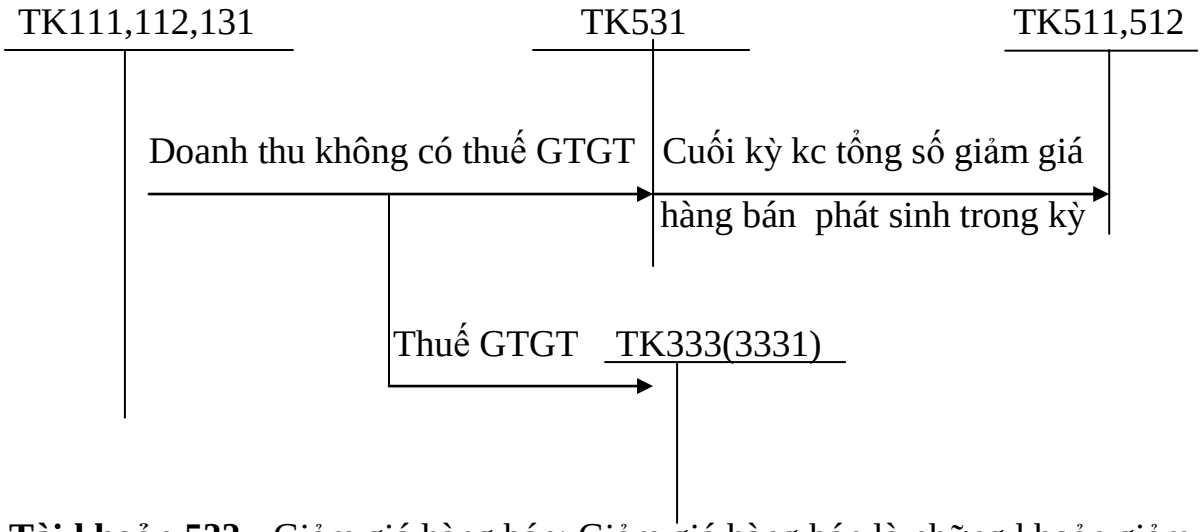

3.Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán: Giảm giá hàng bán là những khoản giảm giá, bớt giá, hồi khấu cho bên mua vì những lý do như hàng bán bị kém phẩm chất, khách hàng mua hàng với số lượng lớn...

Kết cấu của TK532:

Bên nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên có: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK511 hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 532 không có số dư.

Sơ đồ 5: Sơ đồ kế toán tổng hợp giảm giá hàng bán

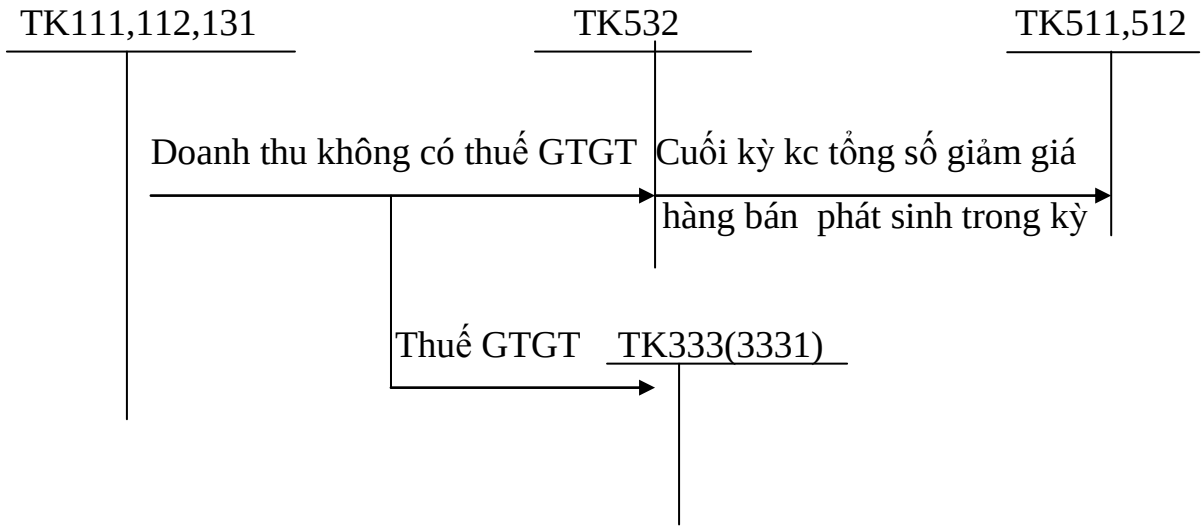

1.2.2.5. Hạch toán kế toán tổng hợp thu nhập khác

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 711 – Thu nhập khác, dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động doanh thu của doanh nghiệp. Loại tài khoản này chỉ phản ánh các khoản thu nhập khác trong kỳ.

- Nội dung:Tài khoản này phản ánh các khoản thu nhập từ hoạt động thanh lý TSCĐ, Các khoản thuê được nhà nước miễn giảm, giảm trừ thuế TNDN, các khoản được bồi thường…

Kết cấu của TK711:

Bên nợ: Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác(nếu có)

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu khác trong kỳ sang TK911 xác định KQKD .

Bên có: Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ, Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng,Thu tiền bảo hiểm được bồi thường…

TK 711- Thu nhập khác cuối kỳ không có số dư

Sơ đồ 06 : Kế toán tổng hợp thu nhập khác

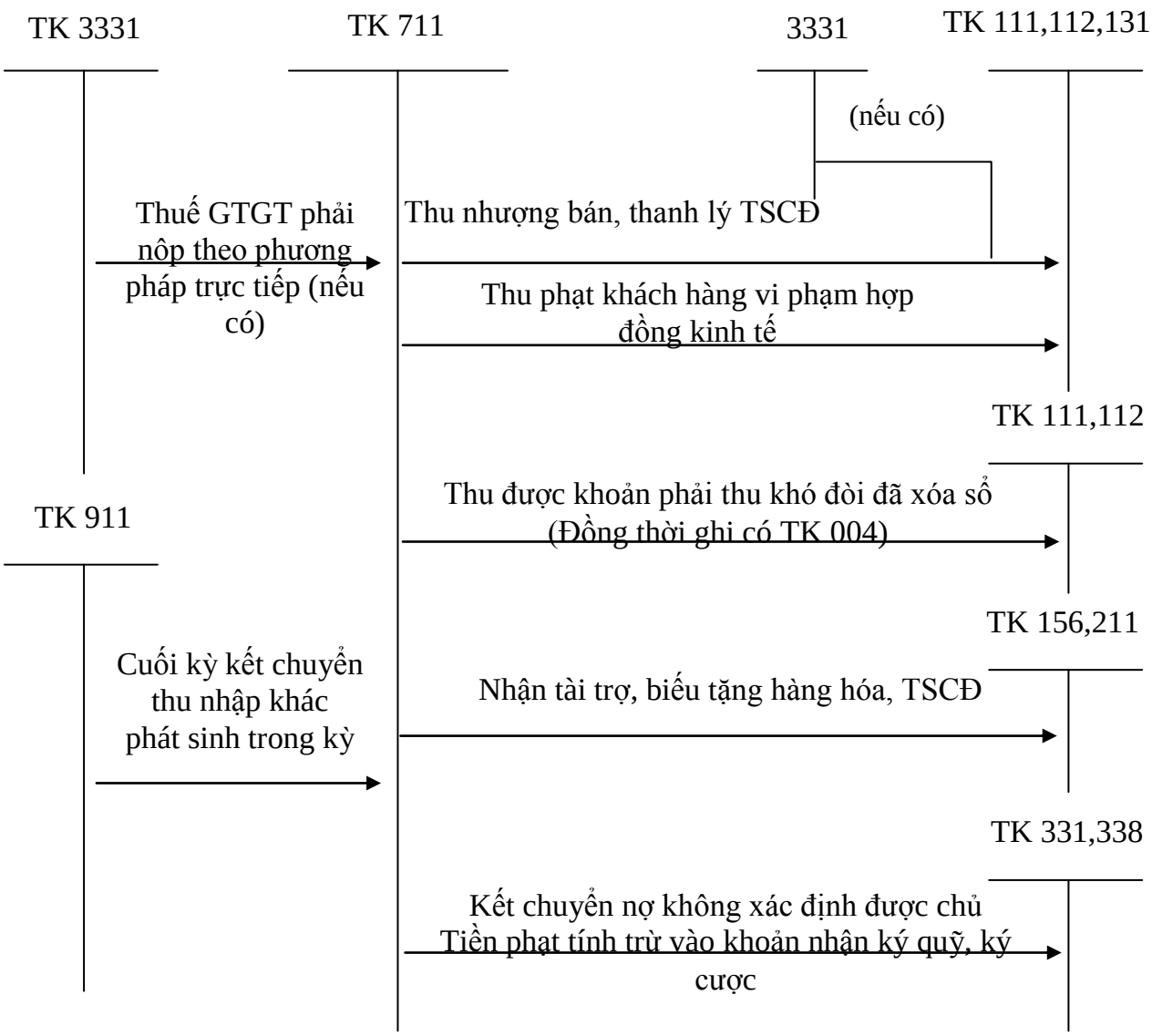

Sơ đồ 7: Kế toán bán hàng thông qua đại lý

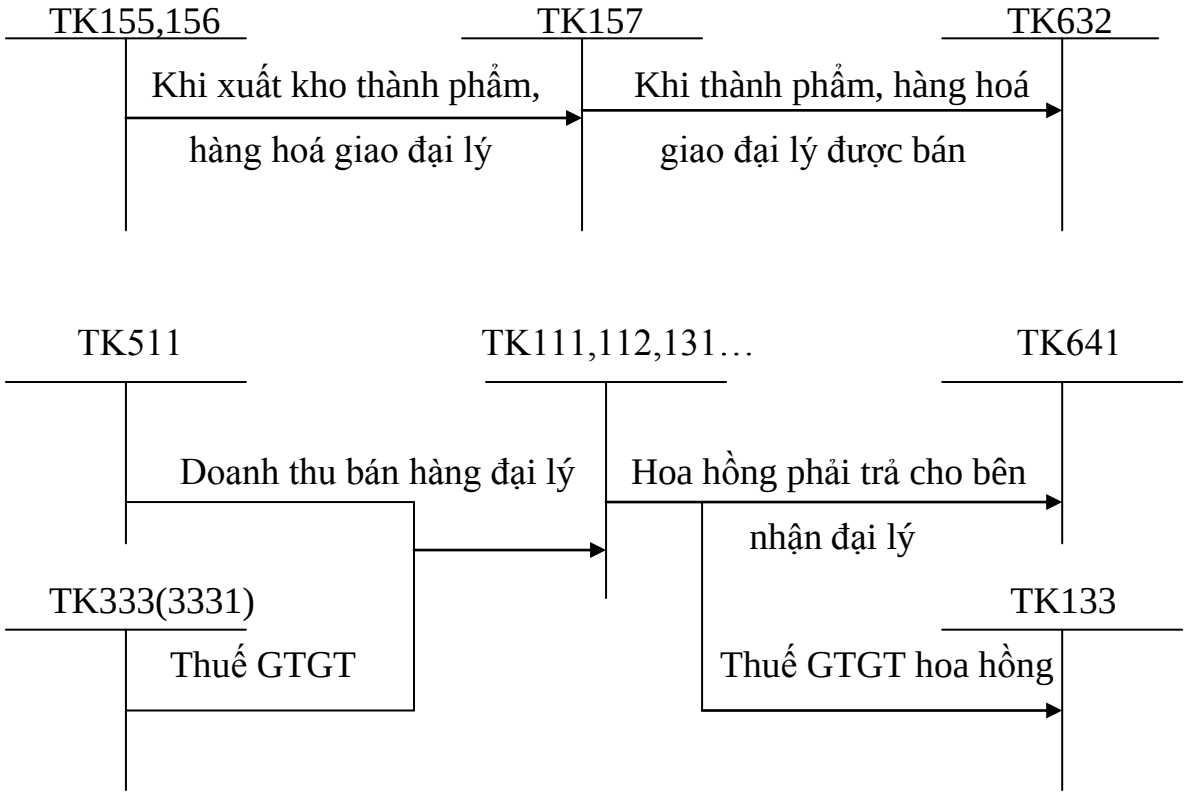

Sơ đồ 8: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm

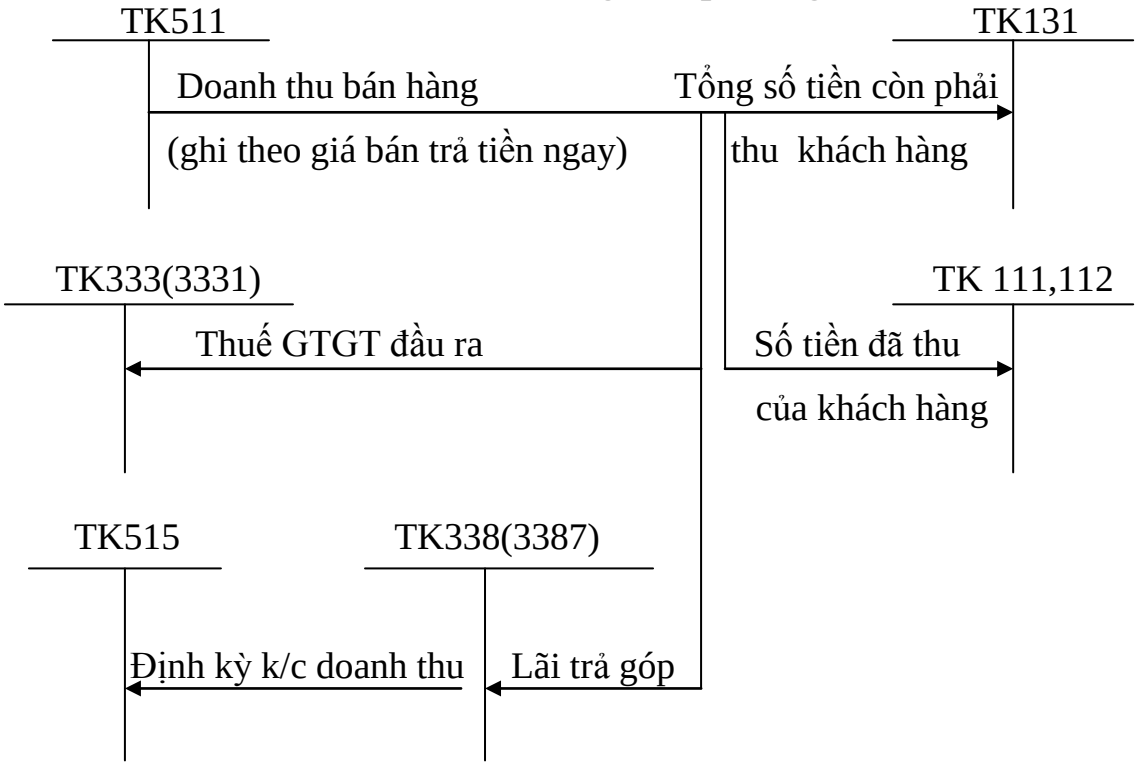

1.2.3. Hạch toán kế toán giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan.

1.2.3.1. Hạch toán kế toán chi tiết giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan.

Chứng từ sử dụng: Khi phát sinh các nghiệp vụ về bán hàng và thanh toán tiền hàng với người mua phải có các chứng từ phù hợp để phản ánh chính xác, kịp thời tình hình bán hàng và thanh toán, đồng thời là cơ sở pháp lý để ghi sổ kế toán. Tuỳ theo phương thức, hình thức bán hàng, kế toán tiêu thụ sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Hoá đơn bán hàng (Mẫu số 02- GTGT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02- VT)
- Hoá đơn bán hàng giao thẳng, Báo cáo bán hàng
- Bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ
- Bảng thanh toán hàng đại lý
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.
- Phiếu chi (Mẫu số 02- TT)
- Bảng phân bổ lương và BHXH (Mẫu số 11- LĐTL)

Các chứng từ phải đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ thì mới được phép ghi sổ.

1.2.3.2. Hạch toán kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán.

1.Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632: Gía vốn hàng bán

Kết cấu của tài khoản 632:

Bên Nợ :

- Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán trong kỳ,Chi phí nguyên liệu, vật liệu..Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường trách nhiệm cá nhân gây ra,Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho…

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh".

2. Một số quy định khi hạch toán kế toán giá vốn hàng bán:

Chỉ hạch toán giá vốn hàng bán khi các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ.

Các khoản chi phí phát sinh như khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt quá định mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành thì được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

3. Các phương pháp tính giá xuất kho

Kế toán tổng hợp chi phí, tính giá thực tế tài sản mua vào:

Trị giá thực tế tài sản mua vào = *Trị giá mua ghi trên hóa đơn* + *Chi phí thu mua thực tế phát sinh* + *Thuế không được hoàn lại* - *Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua được hưởng*

Kế toán tính trị giá hàng hóa đã tiêu thụ:

Trị giá vốn thực tế của hàng hóa xuất bán tiền thu trong kỳ = *Trị giá vốn thực tế của hàng hóa còn lại đầu kỳ* + *Trị giá vốn thực tế của hàng hóa mua vào trong kỳ* - *Trị giá vốn thực tế của hàng hóa gửi bán trong kỳ* - *Trị giá vốn thực tế của hàng hóa tồn kho còn lại cuối kỳ*

Theo chế độ kế toán hiện hành - Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, ngày 20/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) và tùy theo đặc điểm kinh doanh, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong bốn phương pháp sau để tính giá vốn cho hàng xuất bán, xuất dùng:

– ***Phương pháp bình quân gia quyền :***

Trị giá vốn hàng xuất kho = *Lượng hàng xuất kho* × *Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền*

– ***Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):*** kế toán giả định hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau.

– ***Phương pháp nhập sau, xuất sau (LIFO)****:* kế toán giả định hàng nhập sau sẽ xuất trước, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước.

– ***Phương pháp giá đích danh:*** giá của hàng tồn kho sẽ giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất ra. Xuất loại nào, lấy loại đó.

Sơ đồ 09: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán

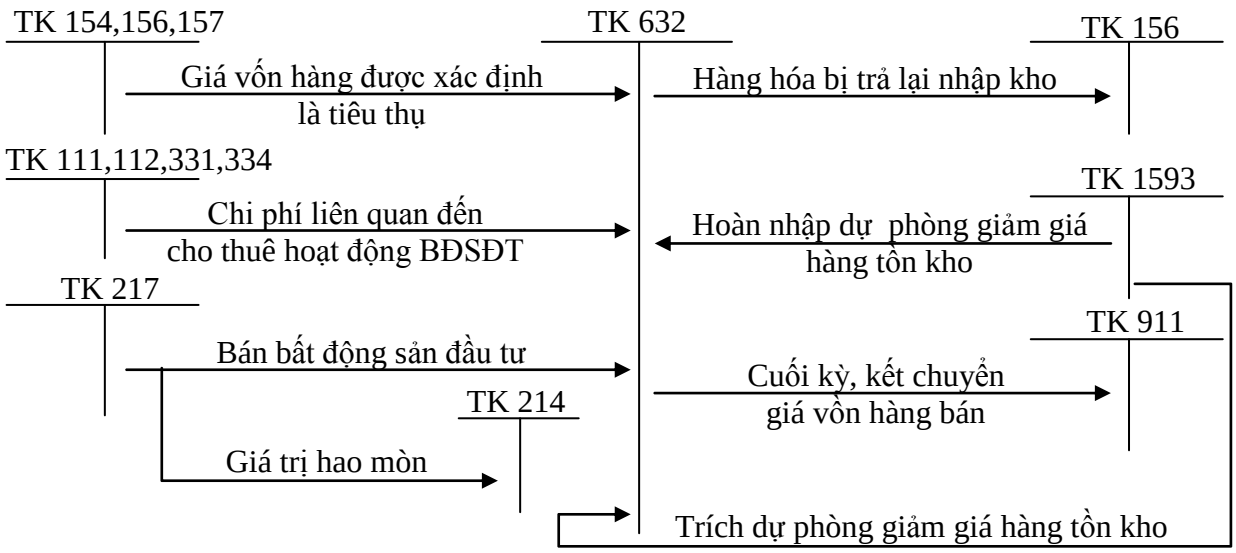

1.2.3.3. Hạch toán kế toán tổng hợp chi phí tài chính

Tài khoản 635: Chi phí tài chính

– Chi phí tài chính, phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay hoặc đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết,…

Kết cấu của tài khoản 635:

Bên Nợ:

– Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính

– Lỗ bán ngoại tệ, chiết khấu thanh toán cho người mua, Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư,…

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán,…

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 10: Sơ đồ kế toán chi phí hoạt động tài chính

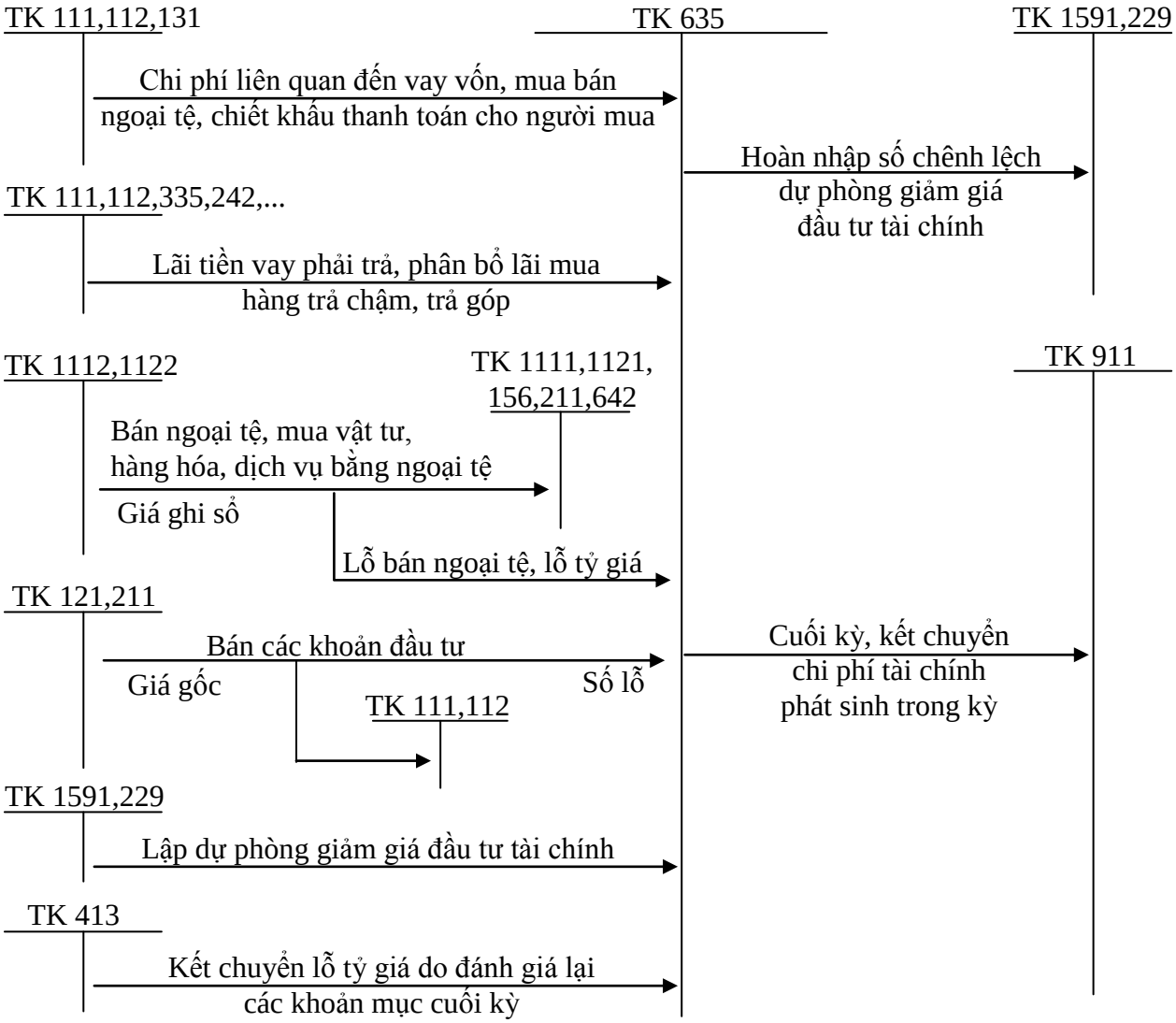

1.2.3.4. Hạch toán kế toán tổng hợp chi phí bán hàng

Tài khoản 641: Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng :phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các khoản chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí hội nghị khách hàng, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa, khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động bán hàng...

Kết cấu của tài khoản 641:

Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Bên Có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 11: Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng

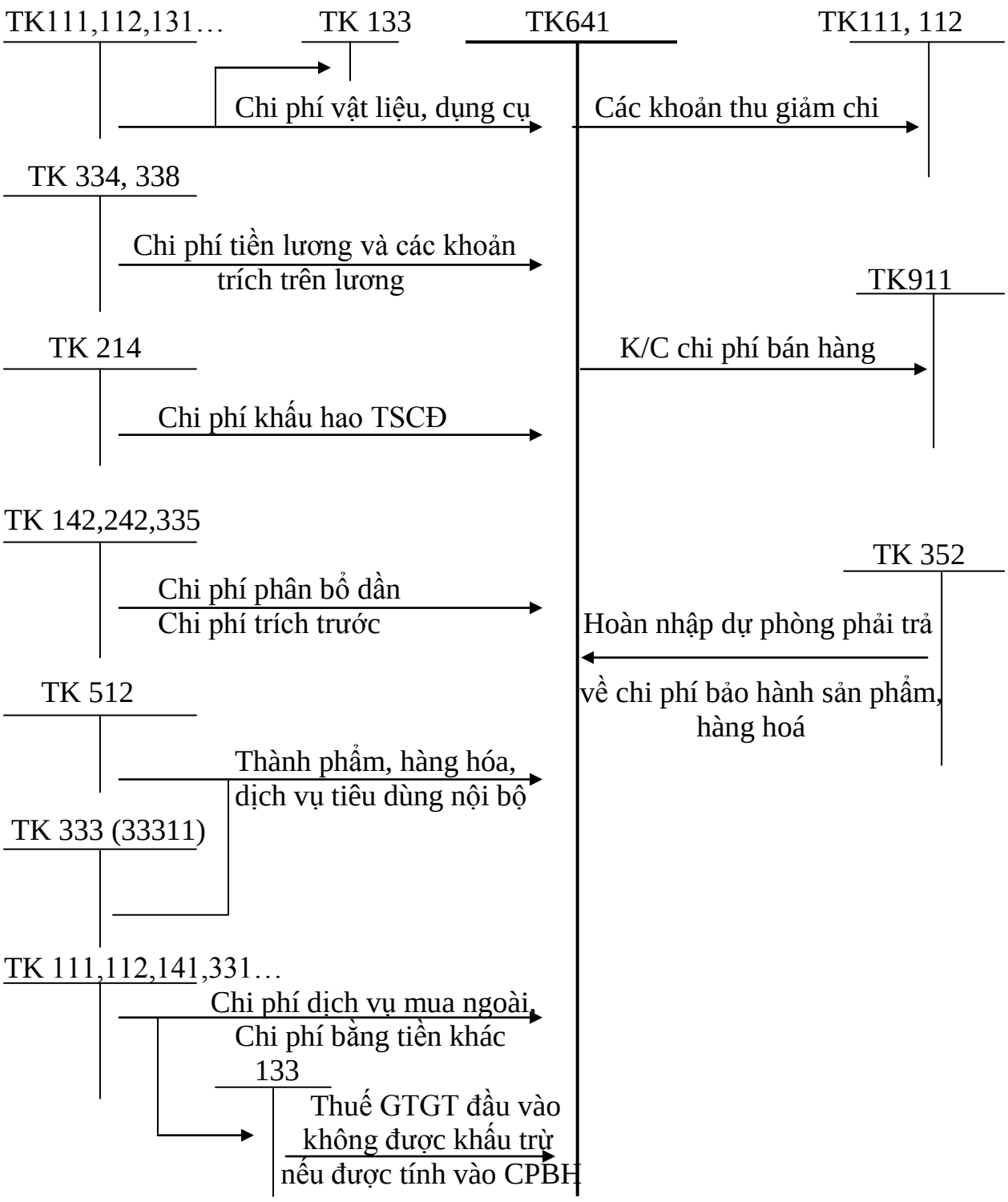

1.2.3.5. Hạch toán kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: phản ánh những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp,..

Kết cấu của tài khoản 642:

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 12: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

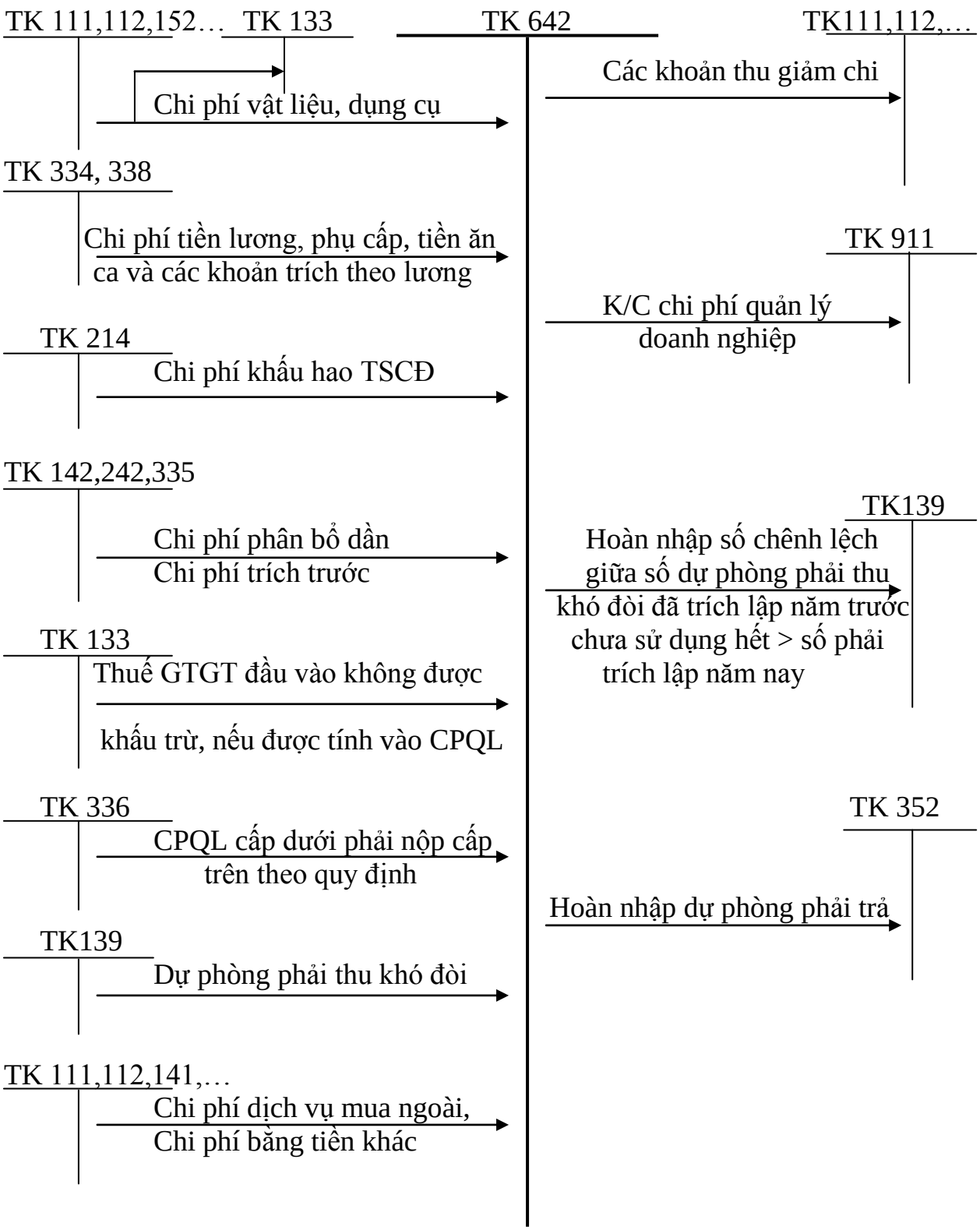

1.2.3.6. Hạch toán tổng hợp kế toán chi phí khác

Tài khoản 811: Chi phí khác

Là những khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra. Cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

- Chi phí thanh lý, nhường bán TSCĐ
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng: bị phạt thuế, chi thu thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán.

Kết cấu của tài khoản 811:

Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh

Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 13: Sơ đồ kế toán chi phí khác

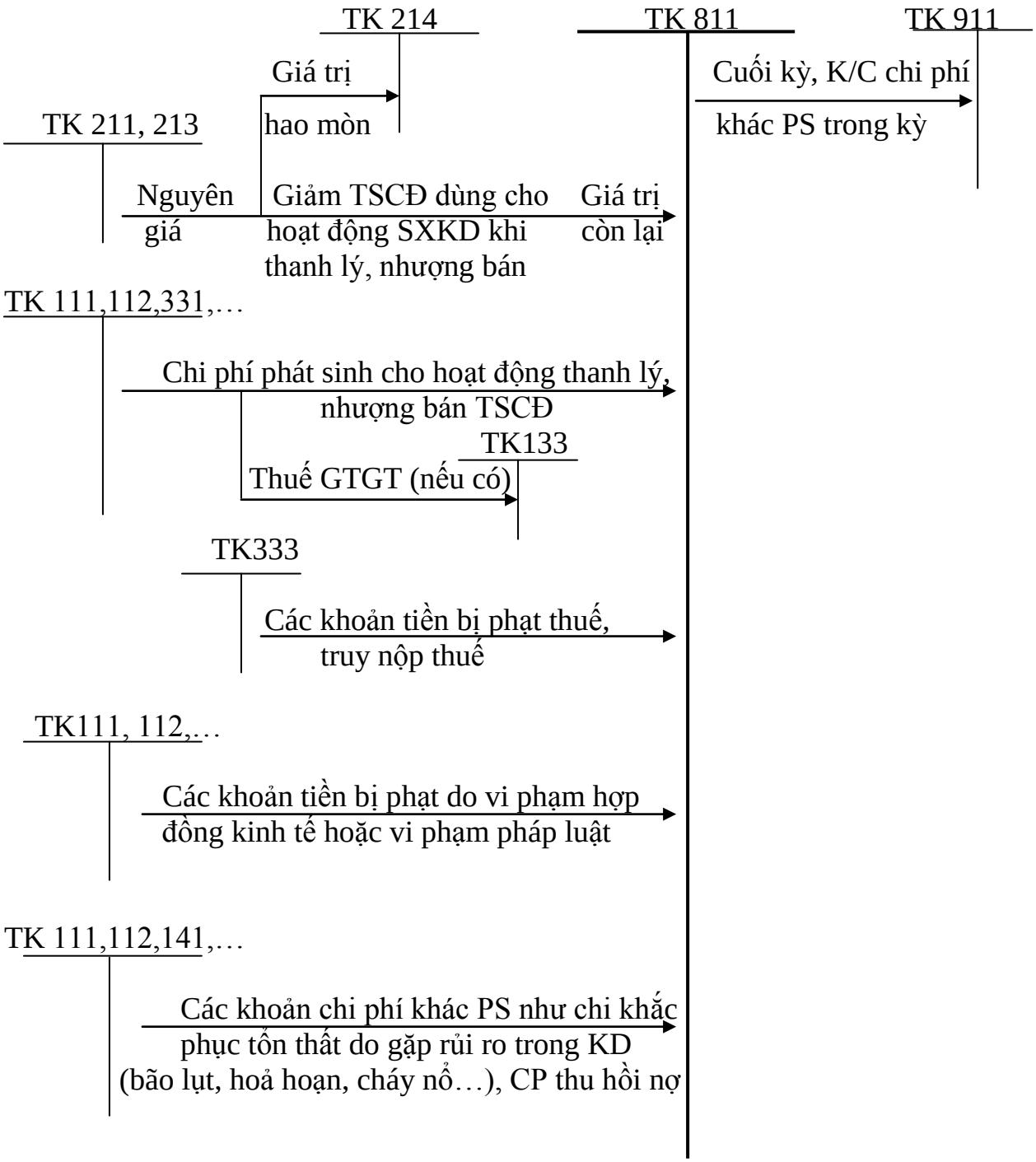

1.2.3.7. Hạch toán kế toán tổng hợp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Hàng quý, kế toán căn cứ vào tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Sơ đồ 14: Sơ đồ kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

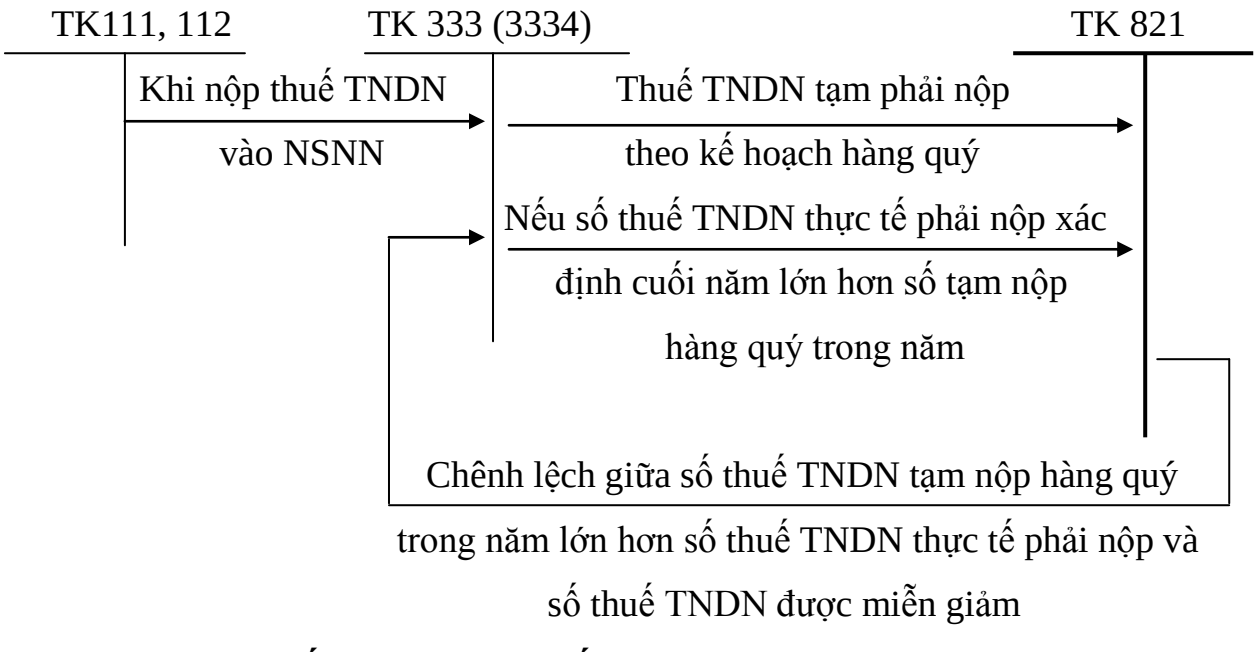

1.2.4. Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.4.1. Hạch toán kế toán chi tiết:

- *Chứng từ, sổ sách sử dụng*: Căn cứ vào sổ theo dõi doanh thu, thu nhập, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp….. cuối kỳ kết chuyển xác định kết quả kinh doanh và một số các sổ liên quan khác.

1.2.4.2. Hạch tóan kế toán tổng hợp:

- *Tài khoản sử dụng*:

Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh - TK khoản này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Tài khoản 911 phải phản ánh đầy đủ chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh có thể được hạch toán chi tiết theo từng hoạt

động, trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ tùy theo yêu cầu quản lý của đơn vị.

Các khoản doanh thu và thu nhập khác được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

Kết cấu của TK911:

Bên nợ: - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá,..

- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác,..
- Kết chuyển lãi.

Bên có: - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các thu nhập khác và các khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

Sơ đồ 15: Sơ đồ kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh

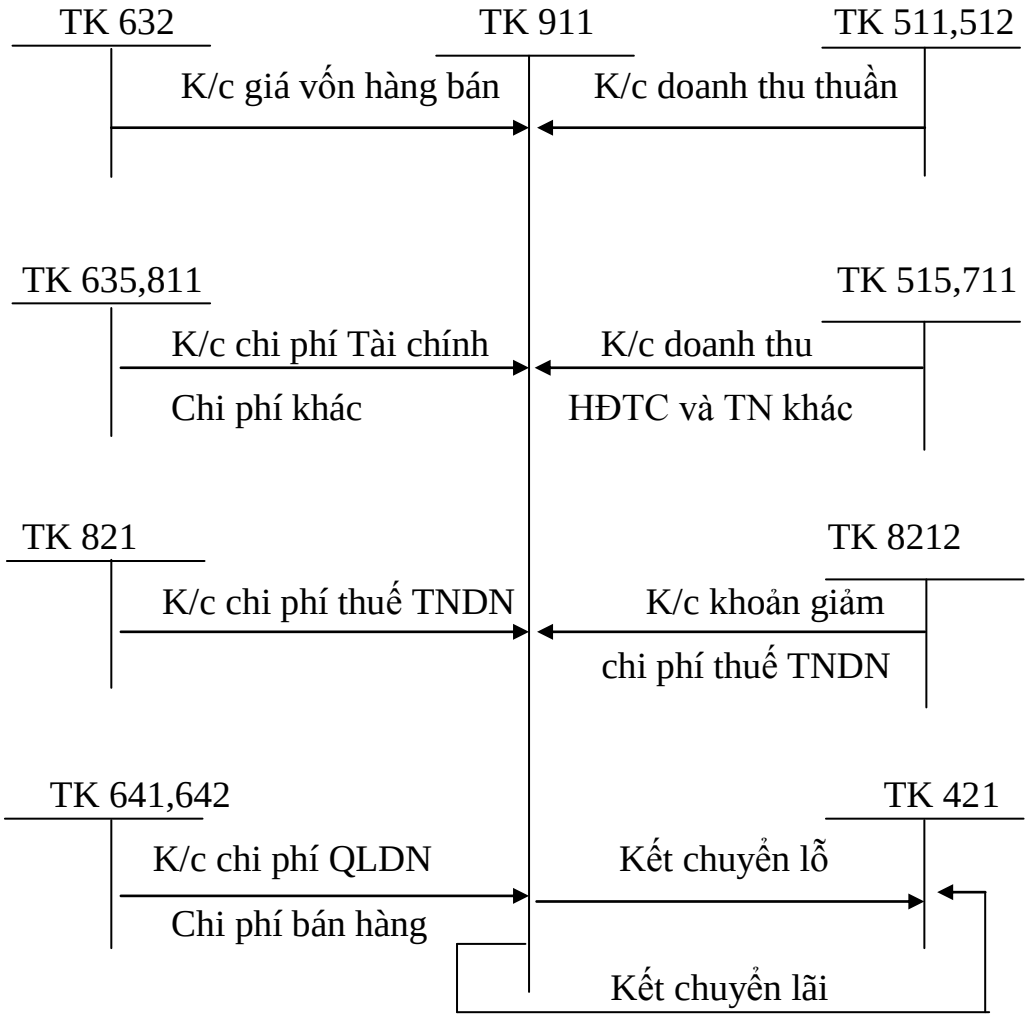

CHƯƠNG 2

TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH AN HẢI LIÊN

2.1. Tổng quan về công ty TNHH An Hải Liên

Tên Doanh nghiệp : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN HẢI LIÊN

Giám đốc của Doanh nghiệp : Bà : Trần Thị Hiền Lương

Địa chỉ Doanh nghiệp : Khu Công nghiệp Vĩnh Niệm – phường Vĩnh Niệm - quận Lê Chân - Thành phố Hải Phòng

Cơ sở pháp lý của Doanh nghiệp : Được thành lập theo quyết định số 0202001405 ngày 17 tháng 9 năm 1996 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng.

Loại hình Doanh nghiệp : Công ty trách nhiệm hữu hạn

Tài khoản số : 2112141000176 tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn quận Hải An

Mã số thuế : 0200562944

Số điện thoại : 0313.870.686

Số Fax : 0313.783610

2.1.1. Lịch sử phát triển doanh nghiệp qua các thời kỳ :

Được thành lập theo quyết định số 0202001405 ngày 17 tháng 9 năm 1996 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Công ty TNHH An Hải Liên là một trong những Doanh nghiệp tư nhân đi đầu trong việc sản xuất và xuất khẩu hàng thực phẩm tại Thành phố Hải Phòng.

Sau 15 năm thành lập, kể từ những ngày đầu Công ty còn gặp rất nhiều khó khăn. Cả Công ty chỉ có khoảng 10 công nhân với lao động thủ công là chính. Lúc đó mặt hàng chính của Công ty chỉ là bột canh với chất lượng kém do nguồn nguyên liệu đầu vào khan hiếm. Từ những nhu cầu khắt khe của thị trường đồng thời với nguồn nguyên liệu đầu vào khan hiếm, tháng 5 năm 2002 giám đốc Công ty quyết định đầu tư dây chuyền máy móc hiện đại của nước

ngoài để tự chế biến những nguyên liệu chính. Sau nhiều lỗ lực, những sản phẩm đầu tiên có chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của Công ty đã có mặt trên thị trường. Khi công việc sản xuất thực phẩm đã đi vào ổn định, tháng 12 năm 2005 Ban giám đốc quyết định mở rộng thị trường ra nước ngoài. Hiện nay sản phẩm của Công ty đã có mặt hầu hết các tỉnh thành của miền Bắc và miền Trung Việt Nam cũng như có mặt tại thị trường nước ngoài như Liên Xô, Đức…

Hiện nay, Công ty đã có những thành công đáng kể với đội ngũ công nhân viên lành nghề, nhiệt tình, năng động, có trình độ. Sản phẩm làm ra đạt chỉ tiêu chất lượng và được người tiêu dùng đánh giá tốt.

Mặt hàng kinh doanh chính hiện nay của công ty là các sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân như:

Bột canh các loại :

- Bột canh tôm
- Bột canh Iốt
- Bột canh gà
- Bột canh tôm

Tương ớt các loại :

- Tương ớt ít cay đặc biệt
- Tương ớt cay chua ngọt

2.1.2. Nhiệm vụ của Công ty :

Công ty TNHH An Hải Liên là một Doanh nghiệp tư nhân, tổ chức sản xuất kinh doanh và hạch toán kinh tế độc lập, có giấy phép đăng ký kinh doanh, mã số thuế và con dấu riêng. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là :

- Sản xuất hàng thực phẩm (chủ yếu là sản xuất bột canh + tương ớt)
- Tổ chức nuôi trồng và chế biến thủy hải sản.
- Thu mua thực phẩm hoa màu của nhân dân dùng cho việc chế biến.
- Xuất khẩu thực phẩm, nhập khẩu màu và hóa chất dùng trong ngành thực phẩm.

2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.

• Thuận lợi:

Khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công ty TNHH An Hải Liên đã có những thuận lợi:

- Địa bàn hoạt động của công ty không những chỉ ở trong thành phố mà còn được mở rộng ra vùng trọng điểm kinh tế phía bắc và các tỉnh lân cận nên có khả năng được hưởng những tiện ích về cơ sở hạ tầng, những chính sách ưu đãi của nhà nước. Thuận lợi này tạo ra những lợi thế tương đối vững chắc trong quá trình phát triển của doanh nghiệp.

- Công ty có được một người giám đốc có năng lực điều hành, quản lý tốt, có những phương pháp, đường lối chiến lược phát triển công ty hiệu quả. Đây cũng chính là cơ sở làm cho bộ máy công ty vận hành và phát triển vững chắc trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó là một đội ngũ cán bộ tham mưu, giúp việc có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm dày dặn, và một đội ngũ công nhân lành nghề không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ.

- Thị trường lao động của Hải Phòng rất dồi dào và càng ngày càng nhiều lao động được qua đào tạo nên công ty có rất nhiều thuận lợi trong việc tìm nhân công.

- Chính bản thân công ty cũng đã tạo cho mình những thuận lợi nhất định như: Công ty đã thành lập từ rất sớm và có một thời gian phát triển bền vững trong lĩnh vực hoạt động của mình, đã tự tạo ra vị thế kinh doanh vững chắc và uy tín cao trên thị trường; qua thời gian hoạt động lâu dài công ty đã có những khách hàng, đối tác quen thuộc, hơn nữa công ty luôn giữ vững uy tín trên thị trường, đảm bảo sản phẩm luôn đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, an toàn thực phẩm. Vì vậy công ty luôn có thêm những khách hàng mới và uy tín luôn được nâng cao.

• Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi mà công ty có được thì công ty cũng gặp phải không ít những khó khăn.

- Các chi phí tăng: giá điện, giá nước, giá xăng… kéo theo sự gia tăng về

chi phí đầu vào trong doanh nghiệp.

- Lao động chưa có trình độ cao là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, chưa thu hút được đội ngũ lao động trẻ, ham học hỏi, nhiệt tình.

- Có nhiều đối thủ cạnh tranh trên thị trường thành phố như : Công ty TNHH Phú Cường, Công ty TNHH Đông Á… Điều này làm cho công ty phải chia sẻ thị trường với rất nhiều đối thủ và phải cố gắng nhiều hơn để không bị loại ra khỏi thị trường.

2.1.4. Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty TNHH An Hải Liên

Quy trình sản xuất tương ớt:

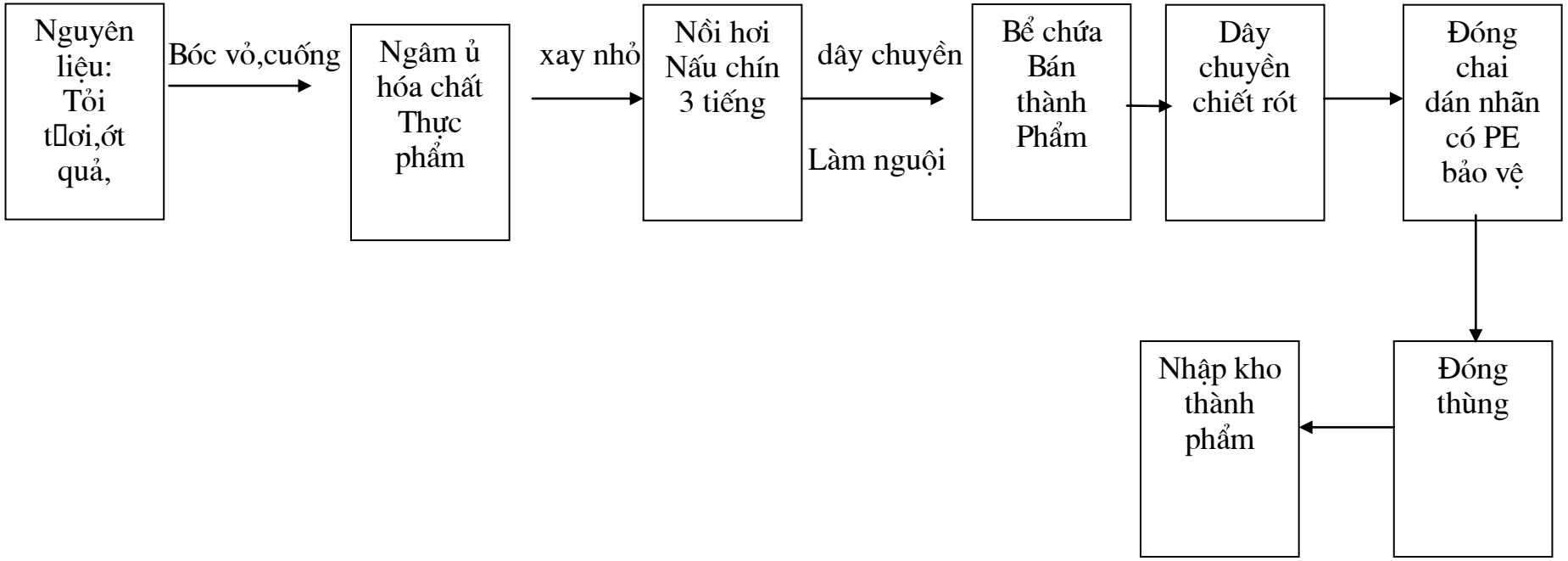

Quy trình sản xuất bột canh:

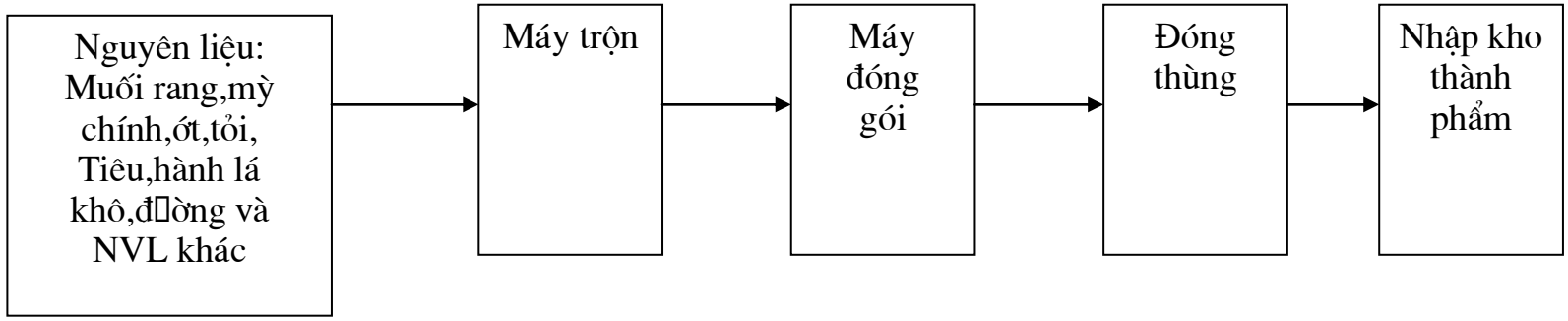

2.1.5. Tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh tại công ty:

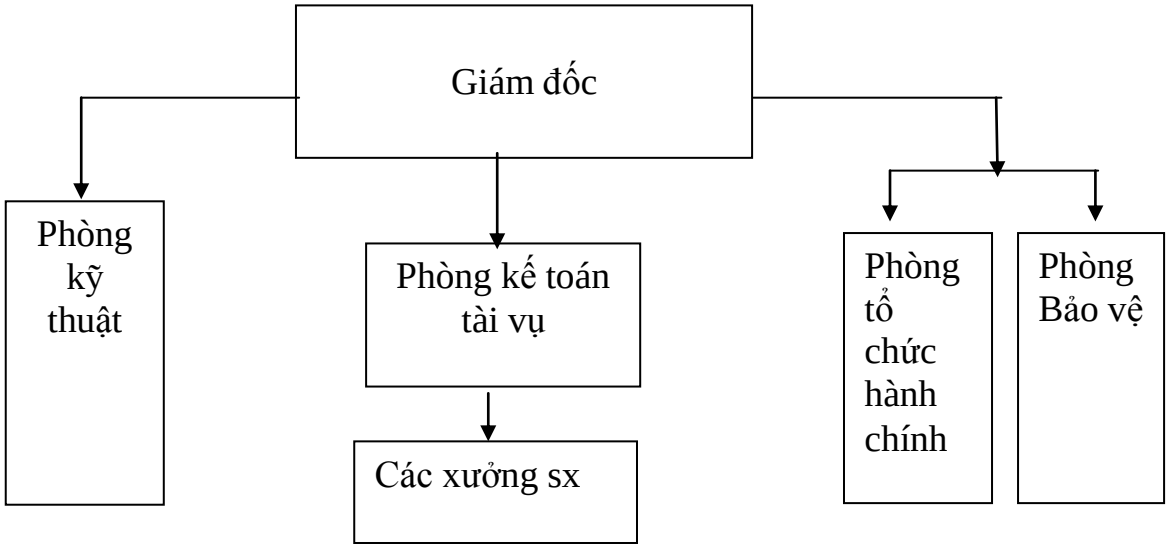

Sơ đồ 2.1: Mô hình bộ máy tổ chức của công ty TNHH An Hải Liên

- *Giám đốc*: Giám đốc là người trực tiếp quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty, trực tiếp chỉ đạo các phòng ban nghiệp vụ. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty. Giám đốc công ty tổ chức kiểm tra mọi hoạt động của tất cả các bộ phận trong công ty.

- *Phòng tổ chức hành chính*: Thực hiện các công tác quản lý hành chính, văn phòng, giám sát theo dõi nhân sự ở các khối phòng ban, tiến hành các công tác tổ chức các khóa đào tạo nhằm đảm bảo cho cán bộ công nhân viên trong công ty có đầy đủ năng lực đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh đồng thời tiếp nhận thu nhập và bảo quản hồ sơ nhân sự, phân phối tài liệu quy định, chính sách mục tiêu, hướng dẫn ghi chép hồ sơ cho cán bộ công nhân viên.

- *Phòng bảo vệ*: có nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự, an ninh kinh tế, nghiêm chỉnh chấp hành mọi nội quy, quy chế và kỷ luật lao động, phòng chống cháy nổ để đảm bảo an toàn về tài sản.

- *Phòng kế toán – tài vụ*: với chức năng là phòng chuyên môn tham mưu giúp giám đốc công ty thực hiện các công tác: quản lý vốn và tài sản, tổng hợp tình hình tài chính của công ty… Bên cạnh đó, phòng kế toán đề xuất với lãnh đạo đưa ra những biện pháp khắc phục những khâu còn lãng phí trong sản xuất,

tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả kinh tế của công ty.

- *Phòng kỹ thuật*: tổ chức chỉ đạo giám sát các tổ đội thi công trên cơ sở quản lý chất lượng, mỹ thuật, kỹ thuật sản phẩm. Điều phối đáp ứng đúng tiến độ theo yêu cầu của các đơn đặt hàng, theo dõi tình hình kinh tế để có biện pháp xử lý kịp thời, phù hợp, quản lý và hướng dẫn các biện pháp an toàn vệ sinh thực phẩm.

- *Các xưởng sản xuất*: là những đơn vị trực tiếp tổ chức sản xuất dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo công ty và các phòng ban chức năng.

2.1.6. Tổ chức công tác kế toán tại công ty:

1. Sơ đồ bộ máy kế toán :

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

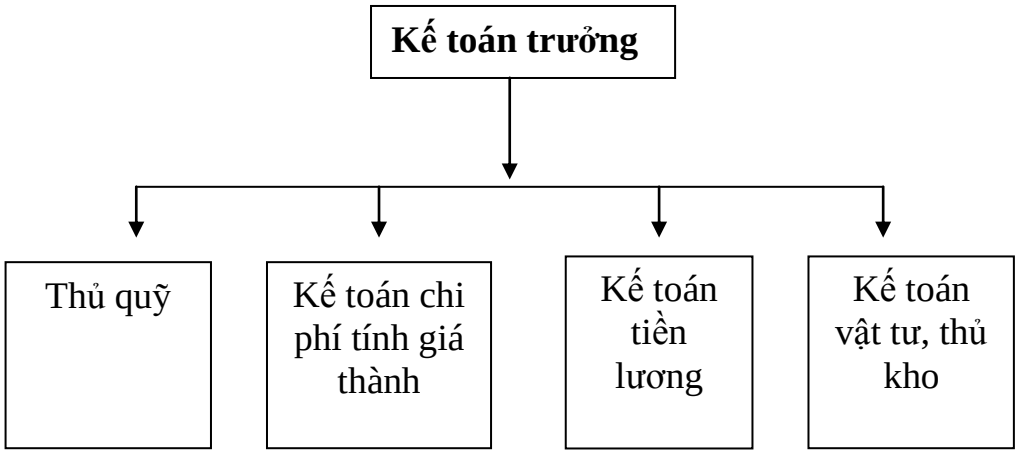

Sơ đồ 2.2: Mô hình bộ máy kế toán của công ty TNHH An Hải Liên:

Theo mô hình trên chức năng nhiệm vụ của từng người như sau:

- *Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp*: Là người giúp giám đốc Công ty chỉ đạo tổ chức các phần hành kế toán, kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty, tham vấn cho giám đốc có thể đưa ra các quyết định hợp lý.

Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước.

Cuối kỳ kế toán, Kế toán trưởng tập hợp số liệu từ các bộ phận phòng ban, lập báo cáo tài chính, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.

- *Kế toán vật tư, thủ kho*: Theo dõi tình hình xuất nhập vật tư của một kho trong công ty.

- *Kế toán tiền lương:* Làm lương khối cơ quan, các khoản bảo hiểm, thanh toán các chế độ đi công tác, nghỉ phép, theo dõi chế độ quản lý ăn ca….

- *Kế toán chi phí giá thành:* Có nhiệm vụ theo dõi, tập hợp các loại chi phí sản xuất, tính giá thành các sản phẩm do công ty sản xuất. Phụ trách phần bán hàng, theo dõi và tính toán doanh thu.

2. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty :

Niên độ kế toán : *Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.*

Đơn vị tiền tệ áp dụng trong ghi chép : *Đồng Việt Nam.*

Tài sản cố định được ghi chép theo: *Nguyên giá và hao mòn lũy kế.*

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp: *Khấu hao đường thẳng*

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : *Kê khai thường xuyên*

Phương pháp tính thuế GTGT : *Theo phương pháp khấu trừ*

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán theo chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết đinh số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

Hình thức ghi sổ kế toán : ***Chứng từ ghi sổ***

2.1.7. Đặc điểm tổ chức công tác hạch toán kế toán

1. Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán:

Chứng từ kế toán là bằng chứng chứng minh cho nghiệp vụ kinh tế phát sinh, là cơ sở để kế toán ghi sổ, gắn với trách nhiệm vật chất của các cá nhân và bộ phận Công ty. Hệ thống chứng từ kế toán của Công ty về cơ bản thống nhất với chế độ kế toán chung.

2. Tổ chức hệ thống tài khoản, sổ sách kế toán:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính cùng các văn bản bổ sung và sửa đổi.

3.Trình tự hạch toán tại công ty

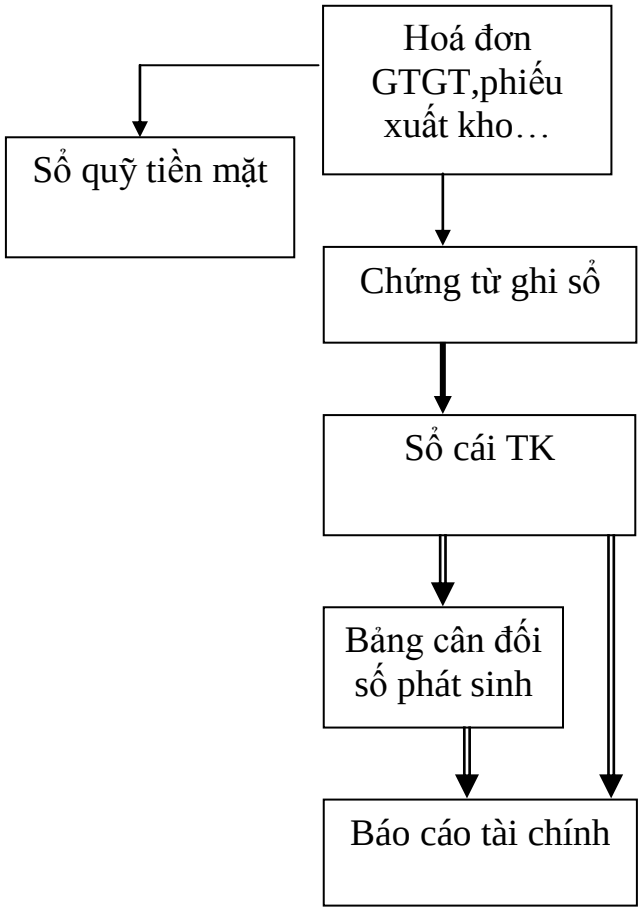

Ghi chú: ——→ : Ghi hằng ngày

⟹ : Ghi ngày cuối tháng, quý, năm

——→ : Ghi cuối tháng

4. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo mẫu quy định của Bộ tài chính. Cuối mỗi tháng, quý, năm kế toán tiến hành lập các báo cáo tài chính bao gồm:

+ Bảng cân đối kế toán

+ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

+ Thuyết minh báo cáo tài chính

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH An Hải Liên

2.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu tại công ty.

Trong năm 2010, kế toán doanh thu của công ty có phát sinh Doanh thu bán hàng, Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản giảm trừ doanh thu và Thu nhập khác.

2.2.1.1.Các loại doanh thu của Doanh nghiệp

- Doanh thu bán hàng: Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hoá đơn.
- Doanh thu hoạt động tài chính: Tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu đươc liên quan tới hoạt động tài chính.

2.2.1.2. Kế toán các loại doanh thu

1. Doanh thu bán hàng

a. Kế toán chi tiết doanh thu bán hàng

Tổ chức tài khoản, chứng từ và sổ sách sử dụng:

Để hạch toán doanh thu bán hàng và thuế GTGT, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- TK 511 : Doanh thu bán hàng
- TK 111, 112: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- TK 131 : Phải thu của khách hàng

Trong công tác kế toán tiêu thụ, chứng từ ban đầu được sử dụng để hạch toán là:

- Hóa đơn GTGT, phiếu thu…
- Giấy báo có của ngân hàng
- Chứng từ khác có liên quan (nếu có)

Trình tự hạch toán

Khi phát sinh nghiệp vụ kế toán, kế toán tiến hành viết hóa đơn cho khách hàng (Hóa đơn GTGT). Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên. Thủ quỹ sau khi thu tiền chuyển chứng từ cho kế toán, kế toán sau khi kiểm tra lại các thông tin thì viết phiếu thu. Kế toán căn cứ vào Hoá đơn GTGT, Phiếu xuất để viết phiếu thu và phản ánh vào sổ kế toán.

Thực tế tại công ty

Ngày 02/12/2010 bán cho anh Nguyễn Văn Đạt - Công ty TNHH Tân Nam Phong

- 20 thùng tương ớt cay , giá bán là : 65.000 đồng/ thùng (VAT 10%).

- 100 thùng Bột canh tôm , giá bán là : 80.000 đồng/ thùng (VAT 10%).

Anh Hưng đã thanh toán bằng tiền mặt với tổng số tiền là : 10.230.000 đồng

– Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

- Kế toán định khoản:

Nợ TK 111	:	10.230.000
Có TK 511	:	9.300.000
Có TK 3331	:	930.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT kí hiệu: AA/2010B số 0039303 *(Biểu số 01)*, kế toán lập phiếu thu (*Biểu số 02*). Cuối ngày kế toán tiến hành lập chứng từ ghi sổ *(Biểu số 03)*. Từ chứng từ ghi sổ lập sổ cái tài khoản *(Biểu số 04)*. Cuối tháng kế toán đối chiếu Sổ cái và các chứng từ có liên quan để lập Bảng cân đối số phát sinh.

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3 : (Nội bộ)

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Mẫu số 01 GTKT - 3 LL
AA/2010B
0039303

Đơn vị bán hàng :**Công ty TNHH An Hải Liên**

Địa chỉ :**khu CN Vĩnh Niệm– Lê Chân – Hải Phòng**

Số tài khoản : 2112141000176

Điện thoại : 0313.870.686 MST

0	2	0	0	5	6	2	9	4	4

Họ và tên người mua hàng : **Ông Nguyễn Văn Đạt**

Tên đơn vị : **Công ty TNHH Tân Nam Phong**

Địa chỉ : **Số 5 – Trực Ninh – Nam Định**

Hình thức thanh toán : Tiền mặt MST

0	2	0	0	2	5	1	5	7	4

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1.	Tương ớt cay	Thùng	20	65.000	1.300.000
2.	Bột canh tôm	Thùng	100	80.000	8.000.000
Cộng tiền hàng:					9.300.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			930.000
Tổng cộng tiền thanh toán :					10.230.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng chẵn./					

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Cty TNHH
An Hải Liên

PHIẾU THU

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Quyển số :
Số:02

Mẫu số 01 -TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

Nợ: 111
Có : 511, 3331

Họ và tên người nộp tiền: **Nguyễn Văn Đạt**

Địa chỉ: **Cty TNHH Tân Nam Phong**

Lý do thu : Trả tiền hàng theo hóa đơn ngày 02 /12/2010

Số tiền: 10.230.000 đ

Bằng chữ*: **Mười triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng chẵn**./*

Kèm theo : 01 hóa đơn GTGT 0039303

Đã nhận đủ số tiền *(viết bằng chữ): Mười triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng chẵn./*

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Thủ quỹ**	**Người lập phiếu**	**Người nộp tiền**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng chẵn./

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)……
+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 02 : Phiếu thu

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hp

Mẫu số: S02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Số : 15

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Bán hàng thực phẩm	111	511	9.300.000	
Tiền thuế GTGT đầu ra	111	3331	930.000	
Cộng	**x**	**x**	**10.230.000**	

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 03: Chứng từ ghi sổ

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN – Vĩnh Niệm – Lê Chân -Hp

Mẫu số: S02c1 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: TK 511

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh				
02/12	***CT15***	***02/12***	***Doanh thu bán hàng***	***111***		***9.300.000***	
		…	……				
31/12	CT97	31/12	Doanh thu bán hàng	131		25.000.000	
31/12	CT99	31/12	K/c doanh thu BH	911	312.504.000		
			Cộng số phát sinh		320.565.982	320.565.982	
			Số dư cuối kỳ				

Sổ này có… trang, đánh số từ trang số 01 đến trang…

Ngày mở sổ…

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 04: Sổ cái

b. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng

Từ sổ cái TK 511 tháng 12 năm 2010 của công ty TNHH An Hải Liên ta có mô hình hạch toán doanh thu bán hàng tháng 12 năm 2010 của công ty.

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng

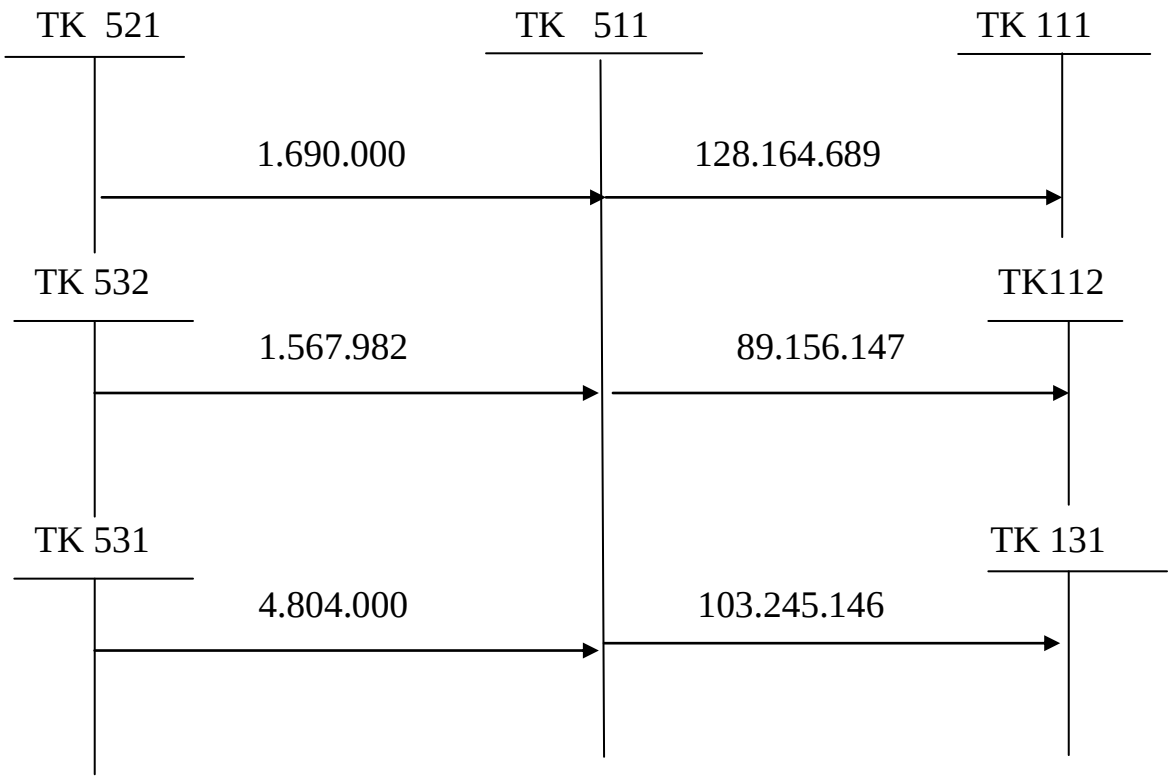

2.Các khoản giảm trừ doanh thu

a. Kế toán chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu

Để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng các tài khoản:

+ TK 521 : Chiết khấu thương mại

+ TK 531: Hàng bán bị trả lại

+ TK 532: Giảm giá hàng bán

- Sổ sách kế toán sử dụng:

+ Hóa đơn giá trị gia tăng

+ Chứng từ ghi sổ

+ Sổ cái TK 521, 531, 532, 511

+ Sổ sách chứng từ có liên quan khác

Thực tế tại công ty

Ngày 04/12/2010 công ty bán cho Anh Thái theo Hóa đơn số 0039305.

- 25 thùng tương ớt cay, giá bán là : 65.000 đồng/ thùng (VAT 10%).

Anh Thái chưa thanh toán. Ngày 05/12/2010 Anh Thái thông báo có 2 thùng hàng không đảm bảo yêu cầu chất lượng. Yêu cầu công ty giảm giá lô hàng. Sau khi xem xét yêu cầu của anh Thái công ty chấp nhận giảm giá lô hàng ngày 04/12/2010 là 2%.

– Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

- Kế toán định khoản:

Nợ TK 532	:	32.500
Nợ TK 3331	:	3.250
Có TK 131	:	35.750

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0036305 *(Biểu số 08).* Cuối ngày kế toán tiến hành lập chứng từ ghi số *(Biểu số 09).* Từ chứng từ ghi sổ kế toán lập sổ cái TK 532 *(Biểu số 10).* Cuối tháng kế toán đối chiếu sổ cái và các chứng từ có liên quan lập Bảng cân đối số phát sinh.

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3 : (Nội bộ)

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Mẫu số 01 GTKT - 3 LL
AA/2010B
0039305

Đơn vị bán hàng :**Công ty TNHH An Hải Liên**
Địa chỉ :**khu CN Vĩnh Niệm– Lê Chân – Hải Phòng**
Số tài khoản : 2112141000176
Điện thoại : 0313.870.686 MST

0	2	0	0	5	6	2	9	4	4

Họ và tên người mua hàng : **Anh Thái**
Tên đơn vị : **Đại lý Thái Hòa**
Địa chỉ : **Số 52- Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên**
Hình thức thanh toán : MST

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1.	Điều chỉnh giảm giá lô hàng ngày 04/12/10	Thùng	25	1.300	32.500
Cộng tiền hàng:					32.500
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			3.250
Tổng cộng tiền thanh toán :					35.750
Số tiền viết bằng chữ : Ba mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi đồng./					

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hp

Mẫu số: S02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Số : 20

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Giảm giá hàng bán	532	131	32.500	
Thuế GTGT đầu ra	3331	131	3.250	
Cộng	**x**	**x**	**35.750**	

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 09: Chứng từ ghi sổ

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN – Vĩnh Niệm – Lê Chân –Hp

Mẫu số: S02c1 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Giảm giá hàng bán

Số hiệu: TK 532

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh				
05/12	***CT20***	***05/12***	***Giảm giá hàng bán***	***131***	***32.500***		
		…	……				
29/12	CT73	29/12	Giảm giá hàng bán	131	125.000		
31/12	CT97	31/12	K/c giảm giá hàng bán	511		1.567.982	
			Cộng phát sinh		1.567.982	1.567.982	
			Số dư cuối kỳ				

Sổ này có… trang, đánh số từ trang số 01 đến trang…

Ngày mở sổ…

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 10: Sổ cái

b. Kế toán tổng hợp các khoản giảm trừ doanh thu

Từ sổ cái TK 532 tháng 12 năm 2010 của công ty TNHH An Hải Liên ta có mô hình hạch toán giảm giá hàng bán tháng 12 năm 2010 của công ty.

Sơ đồ 2.6: Sơ đồ kế toán tổng hợp giảm giá hàng bán

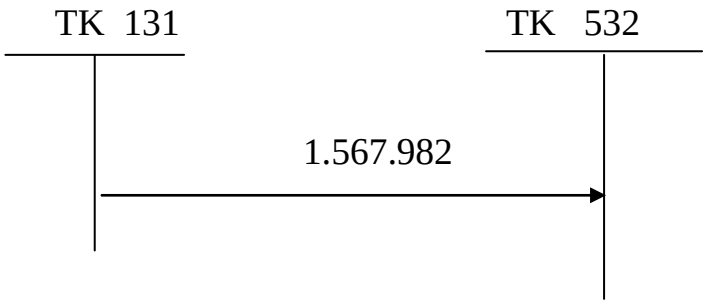

3. Doanh thu hoạt động tài chính

a. Kế toán chi tiết

Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng

Công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chứng từ ban đầu được sử dụng để hạch toán là:

- Sổ phụ ngân hàng

Thực tế tại công ty

Ngày 31/12/2010 doanh nghiệp nhận được thông báo có của ngân hàng nông nhiệp và phát triển nông thôn quận Hải An về khoản lãi tiền gửi tháng 12 là 567.425

+ Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh :

- Kế toán định khoản:

Nợ TK 112 : 567.425

Có TK 515 : 567.425

Căn cứ vào sổ phụ *(Biểu số 05)*, kế toán lập chứng từ ghi sổ *(Biểu số 06)*. Từ chứng từ ghi sổ kế toán lập sổ cái tài khoản *(Biểu số 07)*. Cuối tháng kế toán đối chiếu sổ cái và các chứng từ có liên quan lập bảng cân đối số phát sinh.

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CHI NHÁNH QUẬN HẢI AN

SỔ PHỤ VND **số : 0215**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tài khoản : 2114211000167

CTY TNHH AN HẢI LIÊN

DIỄN GIẢI	GHI NỢ	GHI CÓ
Số dư đầu ngày		7.254.300
Lãi tiền gửi		567.425
Số dư cuối ngày		7.821.725

SỔ PHỤ **KIỂM SOÁT**

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân - Hp

Mẫu số:S02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 72

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Doanh thu từ hoạt động tài chính	112	515	567.425	
Cộng	**x**	**x**	**567.425**	

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên Mẫu số: S02c1 – DN

Khu CN – Vĩnh Niệm – Lê Chân -Hp (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: TK 515

Ngàyt háng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh				
			…….				
31/12	***CT72***	***31/12***	***Doanh thu hoạt động tài chính***	***112***		***567.425***	
31/12	CT100	31/12	K/c doanh thu TC	911	567.425		
			Cộng phát sinh		567.425	567.425	
			Số dư cuối kỳ				

Sổ này có… trang, đánh số từ trang số 01 đến trang…

Ngày mở sổ…

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 07: Sổ cái

b. Kế toán tổng hợp doanh thu hoạt động tài chính

Từ sổ cái TK 515 tháng 12 năm 2010 của công ty TNHH An Hải Liên ta có mô hình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tháng 12 năm 2010 của công ty.

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu hoạt động tài chính

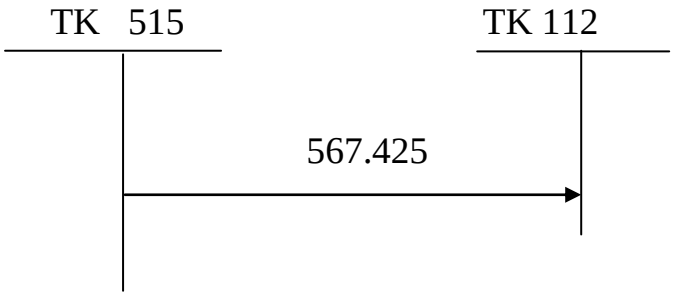

4.Kế toán các khoản thu nhập khác

a. Kế toán chi tiết các khoản thu nhập khác

- Để hạch toán các khoản thu nhập khác doanh nghiệp sử dụng TK711

Các chứng từ có liên quan

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 711

Thực tế tại công ty

Ngày 16/12/2010 công ty nhượng bán một máy khuấy bột cho công ty TNHH Phú Cường. Nguyên giá 45.000.000 đ, đã khấu hao 32.500.000 đ. Giá bán tài sản cố định 16.500.000 đ, thuế GTGT 10%. Công ty đã thu bằng tiền mặt.

- Kế toán định khoản:

Nợ TK 214 : 32.500.000

Nợ TK 811 : 12.500.000

Có TK 211 : 45.000.000

Nợ TK 111 : 16.500.000

Có TK 711 : 15.000.000

Có TK 3331 : 1.500.000

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT ký hiệu AA/2010B số 0039318 *(Biểu số 11)*, kế toán lập phiếu thu*(Biểu số 12)*. Cuối ngày kế toán tiến hành lập chứng từ ghi sổ *(Biểu số 14)*.Từ chứng từ ghi sổ kế toán lập sổ cái TK *(Biểu số 15)*. Cuối tháng kế toán đối chiếu sổ cái và các chứng từ có liên quan lập Bảng cân đối số phát sinh. Có biên bản bàn giao tài sản cố định *(Biểu số 13)*

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3 : (Nội bộ)

Ngày 16 tháng 12 năm 2010

Mẫu số 01 GTKT - 3 LL
AA/2010B
0039318

Đơn vị bán hàng :**Công ty TNHH An Hải Liên**
Địa chỉ :**khu CN Vĩnh Niệm– Lê Chân – Hải Phòng**
Số tài khoản : 2112141000176
Điện thoại : 0313.870.686 MST

0	2	0	0	5	6	2	9	4	4

Họ và tên người mua hàng : **Anh Bình**
Tên đơn vị **: Công ty TNHH Phú Cường**
Địa chỉ : Khu CN Nam Sách – Hải Dương
Hình thức thanh toán : Tiền mặt MST

0	2	0	0	1	5	8	7	6	3

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1.	Máy khuấy bột	Chiếc	01	15.000.000	15.000.000
Cộng tiền hàng:		15.000.000			
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.500.000
		Tổng cộng tiền thanh toán :			16.500.000
Số tiền viết bằng chữ : Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng chẵn./					

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

PHIẾU THU

Cty TNHH
An Hải Liên

Quyển số :
Số:17

Mẫu số 01 -TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

Ngày 16 tháng 12 năm 2010

Nợ: 111

Có : 711, 3331

Họ và tên người nộp tiền: **Anh Bình**

Địa chỉ: **Cty TNHH Phú Cường**

Lý do thu : Trả tiền mua máy khuấy bột theo hóa đơn ngày 16/12/2010

Số tiền: 16.500.000 đ

Bằng chữ*: **Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng chẵn**./*

Kèm theo : 01 hóa đơn GTGT 0039318

Đã nhận đủ số tiền *(viết bằng chữ): Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng chẵn./*

Ngày 16 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Thủ quỹ**	**Người lập phiếu**	**Người nộp tiền**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng chẵn./

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)……

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 12 : Phiếu thu

Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI SẢN

Giữa Công ty TNHH An Hải Liên (bên giao) và
Công ty TNHH Phú Cường (bên nhận)

Hôm nay ngày 16 tháng 12 năm 2010 tại công ty TNHH An Hải Liên đã tiến hành cuộc họp bàn giao tài sản giữa công ty TNHH An Hải Liên (bên giao) và công ty TNHH Phú Cường (bên nhận) thực hiện theo QĐ 16/2010 của công ty TNHH An Hải Liên ngày 16/12/2010

I/ THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1/ Bên giao:

- Bà: Trần Thị Hiền Lương *Chức vụ: giám đốc*
- Bà: Nguyễn Thị Hồng Nhung *Chức vụ: Kế toán trưởng*
- Ông: Phạm Văn Quan *Chức vụ: nhân viên*

2/ Bên nhận:

- Ông: Ngô Việt Bình *Chức vụ: Phó giám đốc*
- Ông: Bùi Văn Sinh *Chức vụ: nhân viên*

Chủ tọa: Ông : Nguyễn Đức Thuận

Thư ký: Bà : Đặng Thanh Tâm

II/ NỘI DUNG BÀN GIAO:

Bên giao đã tiến hành bàn giao tài sản cho bên nhận theo biểu thống kê sau:

Bản thống kê tài sản bàn giao

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Máy khuấy bột	Chiếc	01	15.000.000	15.000.000	
	Cộng:		01	15.000.000	15.000.000	

Tổng giá trị: Bằng số : 15.000.000

Bằng chữ: ***Mười năm triệu đồng chẵn/.***

Kể từ ngày 16/12/2010 số tài trên do bên nhận chịu trách nhiệm quản lý.

Biên bản này lập thành 4 bản có giá trị như nhau. Bên giao giữ 2 bản, bên nhận giữ 2 bản.

CHỮ KÝ BÊN GIAO CHỮ KÝ BÊN NHẬN

Thư ký cuộc họp Chủ tọa cuộc họp

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hp

Mẫu số: S02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 16 tháng 12 năm 2010

Số : 52

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	111	711	15.000.000	
Thuế GTGT đầu ra	111	3331	1.500.000	
Cộng	**x**	**x**	**16.500.000**	

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 16 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 14:Chứng từ ghi sổ

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN – Vĩnh Niệm – Lê Chân -Hp

Mẫu số: S02c1 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: TK 711

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh				
31/12	***CT 52***	***16/12***	***Bán máy khuấy bột***	***111***		***15.000.000***	
31/12	CT100	31/12	K/c thu nhập khác	911	15.000.000		
			Cộng phát sinh		15.000.000	15.000.000	
			Số dư cuối kỳ				

Sổ này có… trang, đánh số từ trang số 01 đến trang…

Ngày mở sổ…

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 15: Sổ cái

b. Kế toán tổng hợp thu nhập khác

Từ sổ cái TK 711 tháng 12 năm 2010 của công ty TNHH An Hải Liên ta có mô hình hạch toán thu nhập khác tháng 12 năm 2010 của công ty.

Sơ đồ 2.7: Sơ đồ kế toán tổng hợp thu nhập khác

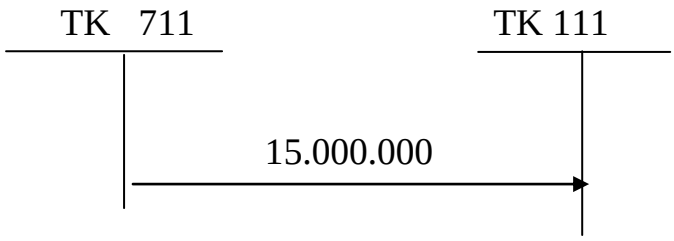

2.2.2.Tổ chức công tác kế toán các khoản chi phí

2.2.2.1. Các loại chi phí trong doanh nghiệp

- Giá vốn hàng bán: Là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm đã được xác định là tiêu thụ và các khoản được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí liên quan tới việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp : Là toàn bộ chi phí liên quan tới việc quản lý chung của doanh nghiệp.

2.2.2.2. Kế toán các loại chi phí

1.Kế toán giá vốn hàng bán

a. Kế toán chi tiết giá vốn hàng bán

Để phản ánh giá vốn hàng xuất bán, công ty sử dụng tài khoản 632

- Sổ sách chứng từ sử dụng:

+ Hoá đơn GTGT

+ Phiếu xuất kho

+ Chứng từ ghi sổ

+ Sổ cái TK 156, 632

Thực tế tại công ty

Khi bán hàng cho anh Đạt ngày 02/12/2010

Công ty áp dụng phương pháp tính trị giá xuất kho theo phương pháp Nhập trước – xuất trước, hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số hàng nhập trước mới đến số nhập sau. Cụ thể

- 20 thùng tương ớt cay (nhập ngày 25/11)
  - ° Giá vốn : 52.256 đồng/ thùng .
  - ° Thành tiền : 1.045.120 đồng .
- 100 thùng bột canh tôm (nhập ngày 20/11)
  - ° Giá vốn : 67.892 đồng/ thùng.
  - ° Thành tiền : 6.789.200 đồng

Căn cứ vào hóa đơn số 0039303 ngày 02/12/2010 kế toán định khoản:

° Giá vốn:

Nợ TK 632 : 7.834.320

Có TK 156 : 7.834.320

Căn cứ vào phiếu xuất kho *(Biểu số 16)* kế toán lập chứng từ ghi sổ *(Biểu số 17)*. Từ chứng từ ghi sổ kế toán lập sổ cái TK 632 *(Biểu số 18)*. Cuối tháng kế toán đối chiếu sổ cái và các chứng từ có liên quan lập bảng cân đối số phát sinh.

Đơn vị : Cty TNHH An Hải Liên

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Số:02
Nợ :632
Có :156

Mẫu số 02 -VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

Họ và tên người nhận hàng : **Anh Đạt**

Xuất tại kho: của Công ty

Lý do xuất : xuất bán

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1*2
1.	Tương ớt cay		Thùng	20		
2.	Bột tôm		Thùng	100		
	Cộng	x	x	120	x	x

Kèm theo 01 Chứng từ gốc

Xuất, Ngày 02 tháng12 năm 2010

Phụ trách cung tiêu	**Người nhận hàng**	**Thủ kho**	**Kế toán trưởng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ)……

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)……

+ Số tiền quy đổi:

Biểu 16: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hp

Mẫu số:S02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Số : 17

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Bán hàng hóa	632	156	7.824.320	
Cộng	**x**	**x**	**7.824.320**	

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 17: Chứng từ ghi sổ

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN – Vĩnh Niệm – Lê Chân -Hp

Mẫu số: S02c1 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: TK 632

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh				
02/12	***CT16***	***02/12***	***Gía vốn hàng bán***	***156***	***7.834.320***		
		…	……				
31/12	CT98	31/12	Gía vốn hàng bán	156	18.567.167		
31/12	CT100	31/12	K/ giá vốn hàng bán	911		273.773.572	
			Cộng phát sinh		273.773.572	273.773.572	
			Số dư cuối kỳ				

Sổ này có… trang, đánh số từ trang số 01 đến trang…

Ngày mở sổ…

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 18: Sổ cái TK 632

b. Kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán

Từ sổ cái TK 632 tháng 12 năm 2010 của công ty TNHH An Hải Liên ta có mô hình hạch toán giá vốn hàng bán tháng 12 năm 2010 của công ty.

Sơ đồ 2.8: Sơ đồ kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán

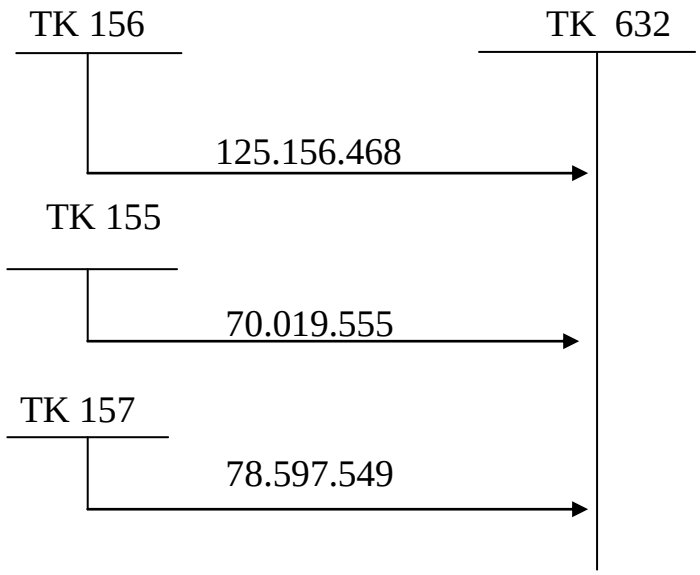

2.Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

a.Kế toán chi tiết chi phí bán hàng

Tài khoản sử dụng : 641

Để hạch toán chi phí bán hàng kế toán căn cứ vào:

+ Bảng phân bổ tiền lương

+ Phiếu chi về dịch vụ mua ngoài (điện, nước,…)

+ Các chi phí bằng tiền khác…

Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu chi

+ Chứng từ ghi sổ

+ Bảng phân bổ tiền lương

+ Sổ cái TK 641

b. Kế toán chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp:

Công ty sử dụng tài khoản 642

Để hạch toán chi phí quản lý doanh ngiệp kế toán căn cứ vào:

+ Bảng phân bổ tiền lương

+ Bảng trích khấu hao TSCĐ

+ Phiếu chi về dịch vụ mua ngoài (điện, nước,…)

+ Các chi phí bằng tiền khác…

Thực tế tại công ty

Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty thanh toán :

Thanh toán tiền dịch vụ viễn thông cho bộ phận bán hàng tháng 12: 425.219 đồng (Chưa VAT 10%)

– Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

- Kế toán định khoản:

Nợ TK 641	: 425.219
Nợ TK 1331	: 42.522
Có TK 111	: 467.741

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 2299081*(Biểu số 19)* kế toán lập phiếu chi *(Biểu số 20).* Cuối ngày kế toán lập chứng từ ghi sổ *(Biểu số 21),* từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái TK 641 *(Biểu số 22).*Cuối tháng kế toán đối chiếu sổ cái và các chứng từ có liên quan lập Bảng cân đối số phát sinh.

HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG
TLECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)
Liên 2: Giao cho khách hàng

Mẫu số : 01 GTKT – 2LM – 03
Ký hiệu : AD/ 2010T
Số : 644953

Mã số : 0200287977022

Tên khách hàng (customer's name) : **Công ty TNHH An Hải Liên**

Địa chỉ (Address) : **Khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân - Hải Phòng**

Số điện thoại (Tel) : 0313.870.686 Mã số : HPG – 04- 336772

Hình thức thanh toán(Kind of payment) : Tiền mặt

DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)		THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
Kỳ hoá đơn tháng 12/2010 (Cước phát sinh đến hết ngày 25/12/2010) a. Cước dịch vụ viễn thông b. Cước dịnh vụ viễn thông không thuế c. Chiết khấu + Đa dịch vụ d. Khuyến mại e. Trừ đặt cọc + Trích thưởng + Nợ cũ		425.219
(a+b+c+d)	Cộng tiền dịch vụ (Total) (1)	425.219
Thuế suất GTGT (VAT rate) : 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2)	42.522
(1+2+e)	Tổng tiền thanh toán (Grand total)	467.741

Số tiền viết bằng chữ (In words) : *Bốn trăm sáu mươi bẩy ngàn bẩy trăm bốn mươi mốt đồng./*

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

Cty TNHH
An Hải Liên

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Quyển số :
Số: 48

Mẫu số 01 -TT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

Nợ:641 ; 133.1

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: **Chị Tâm**

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền mua dịch vụ ngày 31/12

Số tiền: 467.741 VNĐ

Bằng chữ*:* ***Bốn trăm sáu mươi bẩy ngàn bẩy trăm bốn mươi mốt đồng./***

Kèm theo : 01 *Hoá đơn GTGT 2299081*

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Thủ quỹ**	**Người lập biểu**	**Người nhận**
(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đã nhận đủ số tiền *(viết bằng chữ):Bốn trăm sáu mươi bẩy ngàn bẩy trăm bốn mươi mốt đồng./*

Biểu số 20 : Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hp

Mẫu số: S02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 90

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Chi phí bán hàng	641	111	425.219	
Cộng	**x**	**x**	**425.219**	

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 21: Chứng từ ghi sổ

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN – Vĩnh Niệm – Lê Chân -Hp

Mẫu số: S02c1 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: TK 641

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh				
			……..				
15/12	CT 76	15/12	Lương nhân viên bán hàng	334	14.500.000		
15/12	CT 77	15/12	Các khoản trích theo lương	338	3.190.000		
			.....				
31/12	***CT90***	***31/12***	***Thanh toán tiền dv***	***111***	***425.219***		
31/12	CT100	31/12	K/chuyển CP Bán hàng	911		26.775.000	
			Cộng phát sinh		26.775.000	26.775.000	
			Số dư cuối kỳ				

Sổ này có… trang, đánh số từ trang số 01 đến trang…
Ngày mở sổ…

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 22: Sổ cái

c. Kế toán tổng hợp chi phí bán hàng

Từ sổ cái TK 641 tháng 12 năm 2010 của công ty TNHH An Hải Liên ta có mô hình hạch toán chi phí bán hàng tháng 12 năm 2010 của công ty.

Sơ đồ 2.9: Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí bán hàng

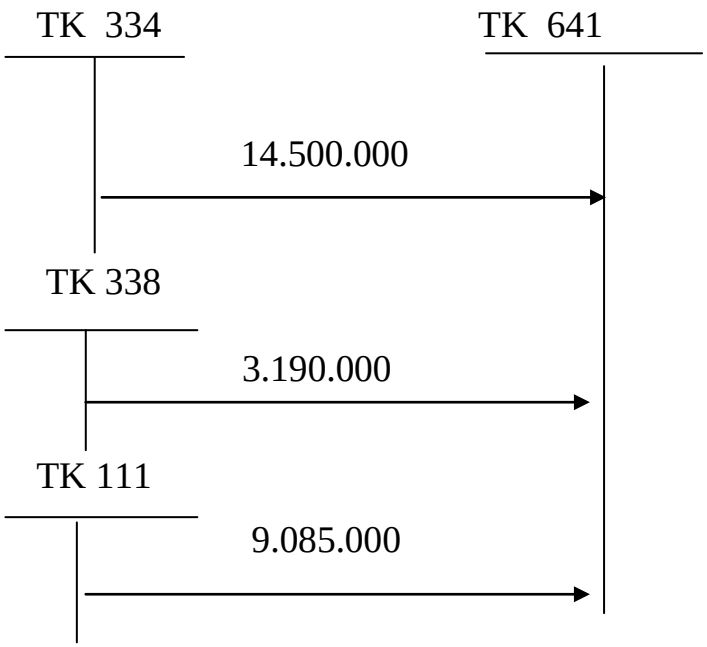

d. Kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ sổ cái TK 642 tháng 12 năm 2010 của công ty TNHH An Hải Liên ta có mô hình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 12 năm 2010 của công ty.

Sơ đồ 2.10: Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp

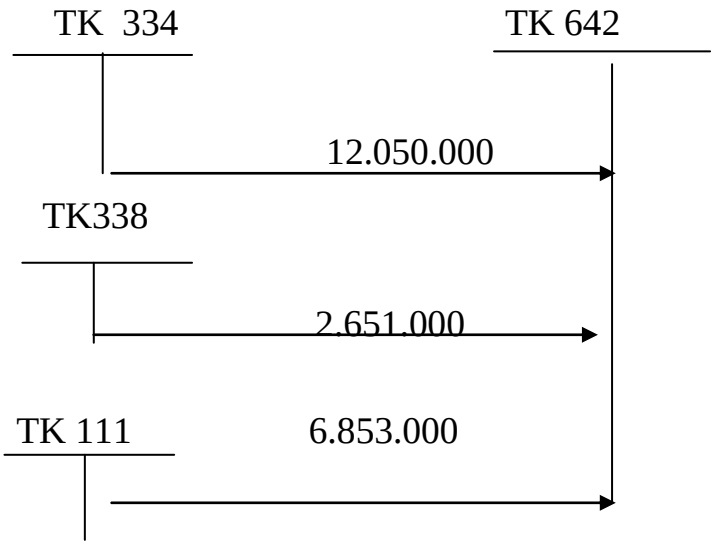

3. Tổ chức công tác kế toán chi phí hoạt động tài chính.

a. Kế toán chi tiết chi phí hoạt động tài chính

Để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng TK 635. Chi phí tài chính tại Công ty TNHH An Hải Liên bao gồm:

Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng:

+ Giấy báo có của Ngân hàng

+ Phiếu chi

+ Chứng từ ghi sổ

+ Sổ cái TK 635

Thực tế tại công ty

Ngày 26 tháng 12 năm 2010, Công ty nộp phí chuyển tiền số tiền là: 11.000 đồng bằng tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán định khoản:

Nợ TK 635 : 11.000

Có TK 112 : 11.000

Căn cứ vào chứng từ giao dịch kế toán lập chứng từ ghi sổ *(Biểu số 23)*, từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái TK 635 *(Biểu số 24)*

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
Chi nhánh Quận Hải An - Hải Phòng
Mã số thuế của CN :0100695309

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Liên 2 : Trả khách hàng

số Seri : 211410A000001117

Tên khách hàng (*customer Name)* Cty TNHH An Hải Liên Địa chỉ : Mã số thuế của KH :	Ngày giao dịch *(Date)* 26/12/2010

Thông báo với quý khách hàng *(This is to certify that)*

 chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau:

(We have đebited the following amount from your account/ or received by cash)

 chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc đã trả bằng tiền mặt số tiền sau

(We have credited the following amount to your account/ or paid by cash)

Diễn giải *(Description)*	**Chuyển tiền ra ngoài**		
Số TK *A/C No*.	2114211000167	Số GD (Ref)	21140TT101000618

Chi tiết *(Item)*	Số tiền *(Amount)*			Diễn giải (*Remark)*
Chuyển tiền ra ngoài	C	VND	35.000.000	
Remittance (same) out Agri	C	VND	11.000	Rate (%) :03300000
VAT	C	VND		
Customer a/c	D	VND	35.011.000	Cty TNHH An Hải Liên

Lập lệnh : Cty TNHH An Hải Liên
Người hưởng : CN Cty TNHH Kiến Vương tại Hà Nội (a/c 03101012229038)
Mã số hưởng :
Ngân hàng thanh toán : IKO 1400 (NHNo & PTNT Láng Hạ)
Nội dung : (Trả tiền hàng)

Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hp

Mẫu số: S02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 26 tháng 12 năm 2010

Số : 94

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Chi phí tài chính	112	635	11.000	
Cộng	**x**	**x**	**11.000**	

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 23: Chứng từ ghi sổ

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN – Vĩnh Niệm – Lê Chân -Hp

Mẫu số: S02c1 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: TK 635

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh				
			……..				
18/12	CT65	18/12	Phí quản lý TK	112	22.000		
			.....				
26/12	***CT 94***	***26/12***	***Phí chuyển tiền***	***112***	***11.000***		
31/12	CT100	31/12	K/chuyển tài chính	911		1.463.755	
			Cộng phát sinh		1.463.755	1.463.755	
			Số dư cuối kỳ				

Sổ này có… trang, đánh số từ trang số 01 đến trang…

Ngày mở sổ…

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 24: Sổ cái

b. Kế toán tổng hợp chi phí tài chính

Từ sổ cái TK 635 tháng 12 năm 2010 của công ty TNHH An Hải Liên ta có mô hình hạch toán chi phí tài chính tháng 12 năm 2010 của công ty.

Sơ đồ 2.11: Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí tài chính

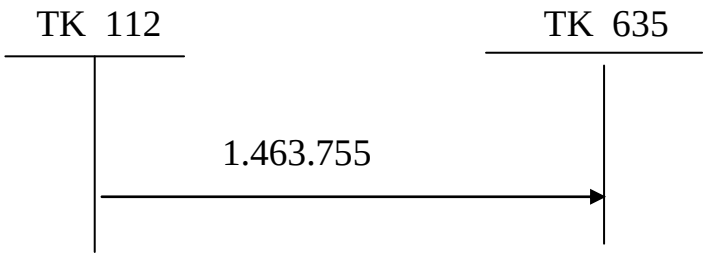

4. Tổ chức công tác kế toán chi phí khác

a. Kế toán chi tiết chi phí khác

Để hạch toán chi phí khác, Công ty sử dụng tài khoản 811- Chi phí khác. Các khoản chi phí khác tại Công ty TNHH An Hải Liên bao gồm:

+ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ

+ Tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế

+ Các khoản chi phí khác

Chứng từ kế toán sử dụng:

+ Biên bản đánh giá lại TSCĐ, vật tư hàng hoá

+ Chứng từ ghi sổ

+ Sổ cái TK 811

+ Các sổ sách có liên quan

Thực tế tại công ty

Tiếp VD số 04 ngày 16/12/2010 công ty nhượng bán một máy khuấy bột cho công ty TNHH Phú Cường. Nguyên giá 45.000.000đ, đã khấu hao 32.500.000đ. Giá bán tài sản cố định 16.500.000đ, thuế GTGT 10%. Công ty đã thu bằng tiền mặt.

- Kế toán định khoản:

Nợ TK 214 : 32.500.000

Nợ TK 811 : 12.500.000

Có TK 211 : 45.000.000

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hp

Mẫu số: S02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 16 tháng 12 năm 2010

Số : 22

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Chi phí khác	811	211	12.500.000	
Cộng	**x**	**x**	**12.500.000**	

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 16 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 25: Chứng từ ghi sổ

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN – Vĩnh Niệm – Lê Chân -Hp

Mẫu số: S02c1 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: TK 811

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh				
16/12	***CT22***	***16/12***	***Chi phí khác***	***211***	***12.500.000***		
31/12	CT100	31/12	K/c chi phí khác	911		12.500.000	
			Cộng phát sinh		12.500.000	12.500.000	
			Số dư cuối kỳ				

Sổ này có… trang, đánh số từ trang số 01 đến trang…

Ngày mở sổ…

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 26: Sổ cái

b. Kế toán tổng hợp chi phí khác

Từ sổ cái TK 811 tháng 12 năm 2010 của công ty TNHH An Hải Liên ta có mô hình hạch toán chi phí khác tháng 12 năm 2010 của công ty.

Sơ đồ 2.12: Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí khác

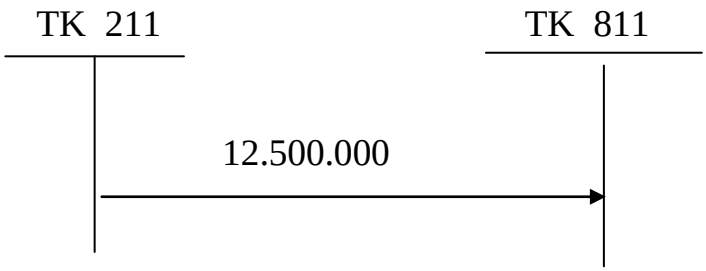

2.2.3. Kế toán kết quả kinh doanh

2.2.3.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

2.2.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được được xác định bằng công thức sau:

Lãi(lỗ) từ hoạt động KD	=	DTT về BH và cung cấp DV	-	Giá vốn hàng bán	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí hoạt động tài chính	-	CPBH và QLDN tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ

Kết quả hoạt động khác là các kết quả từ hoạt động bất thường khác không tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

1.Kế toán chi tiết kết quả kinh doanh

- Để xác định kết quả kinh doanh, kế toán sử dụng

+ TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

+ TK 421- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

+ TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Và các TK khác có liên quan: TK 333, TK 511, TK 632, ...

- Chứng từ, sổ sách sử dụng:

+ Chứng từ ghi sổ

+ Các sổ cái liên quan: 511, 515, 632, 641, 642, 711, 811, …

Căn cứ vào sổ cái các TK 511, 515, 632, 641, 642, 711, 811, … Cuối kỳ kế toán tiến hành kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kinh doanh đó Công ty lãi (lỗ) chuyển sang TK 421.

Thực tế tại công ty

Tháng 12 kế toán kết chuyển từ sổ cái các TK 511, 515, 632, 641, 642, 711, 811, … sang TK 911 rồi chuyển sang TK 421.Kế toán lập:

- Biểu số 27, 28, 30 : Chứng từ ghi sổ
- Biểu số 29 : Sổ cái TK 911
- Biểu số 31: Sổ cái TK 421

Cụ thể:

Tổng Doanh thu, thu nhập tháng 12/2010	Tổng Chi phí tháng 12/2010
Nợ TK 511 : 312.504.000	Nợ TK 911 : 336.066.327
Nợ TK 515 : 567.425	Có TK 632 : 273.773.572
Nợ TK 711 : 15.000.000	Có TK 641 : 26.775.000
	Có TK 642 : 21.554.000
Có TK 911 : 328.019.425	Có TK 635 : 1.463.755
	Có TK 811 : 12.500.000

Kết quả kinh doanh tháng 12 năm 2010 của công ty TNHH An Hải Liên được xác định như sau:

Lãi(lỗ) từ hoạt động KD	=	DTT về BH và cung cấp DV	-	Giá vốn hàng bán	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí hoạt động tài chính	-	CPBH và QLDN tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ

= 312.504.000 – 273.773.572 + 567.425 – 1.463.755 – 26.775.000 – 21.554.000

= -10.494.902

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác

= 15.000.000 – 12.500.000 = 2.500.000

Lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	+	Lợi nhuận khác

= -10.494.902 + 2.500.000= -7.994.902

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hp

Mẫu số: S02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 100

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
K/c Doanh thu bán hàng	511	911	312.504.000	
K/c Doanh thu hđ tài chính	515	911	567.425	
K/c Thu nhập khác	711	911	15.000.000	
K/c Lỗ	421	911	7.994.902	
Cộng	**x**	**x**	**336.066.372**	

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 27: Chứng từ ghi sổ

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hp

Mẫu số: S02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 101

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
K/c Chi phí tài chính	911	635	1.463.755	
K/c Chi phí bán hàng	911	641	26.775.000	
K/c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	21,554.000	
K/c Gía vốn	911	632	273.773.572	
K/c Chi phí khác	911	811	12.500.000	
Cộng	**x**	**x**	**336.066.372**	

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 28: Chứng từ ghi sổ

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN – Vĩnh Niệm – Lê Chân –Hp

Mẫu số: S02c1 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: TK 421

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ			50.351421	
			Số phát sinh				
			……				
31/12	***CT100***	***31/12***	***K/chuyển lỗ***	***911***	***7.994.902***		
			Cộng phát sinh		7.994.902		
			Số dư cuối kỳ			16.436.265	

Sổ này có… trang, đánh số từ trang số 01 đến trang…

Ngày mở sổ…

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 29: Sổ cái

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hp

Mẫu số: S02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 16 tháng 12 năm 2010

số : 97

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Lợi nhuận chưa phân phối	421	911	7.994.902	
Cộng	**x**	**x**	**7.994.902**	

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 16 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 30:Chứng từ ghi sổ

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN – Vĩnh Niệm – Lê Chân -Hp

Mẫu số: S02c1 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: TK 911

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh				
31/12	CT101	31/12	K/chuyển giá vốn	632	273.773.572		
31/12	CT101	31/12	K/chuyển CPBH	641	26.775.000		
31/12	CT101	31/12	K/chuyển CPQLDN	642	21.554.000		
31/12	CT101	31/12	K/chuyển CPTC	635	1.463.755		
31/12	CT101	31/12	K/chuyển CP khác	811	12.500.000		
31/12	CT100	31/12	K/chuyển DTBH	511		312.504.000	
31/12	CT100	31/12	K/chuyển DTHĐTC	515		567.425	
31/12	CT100	31/12	K/chuyển TN khác	711		15.000.000	
31/12	CT 100	31/12	K/chuyển Lỗ	421		7.994.902	
			Cộng phát sinh		336.066.372	336.066.372	
			Số dư cuối kỳ				

Sổ này có… trang, đánh số từ trang số 01 đến trang…

Ngày mở sổ…

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Sơ đồ 2.13 : Hạch toán xác định kết quả kinh doanh Tháng 12/2010

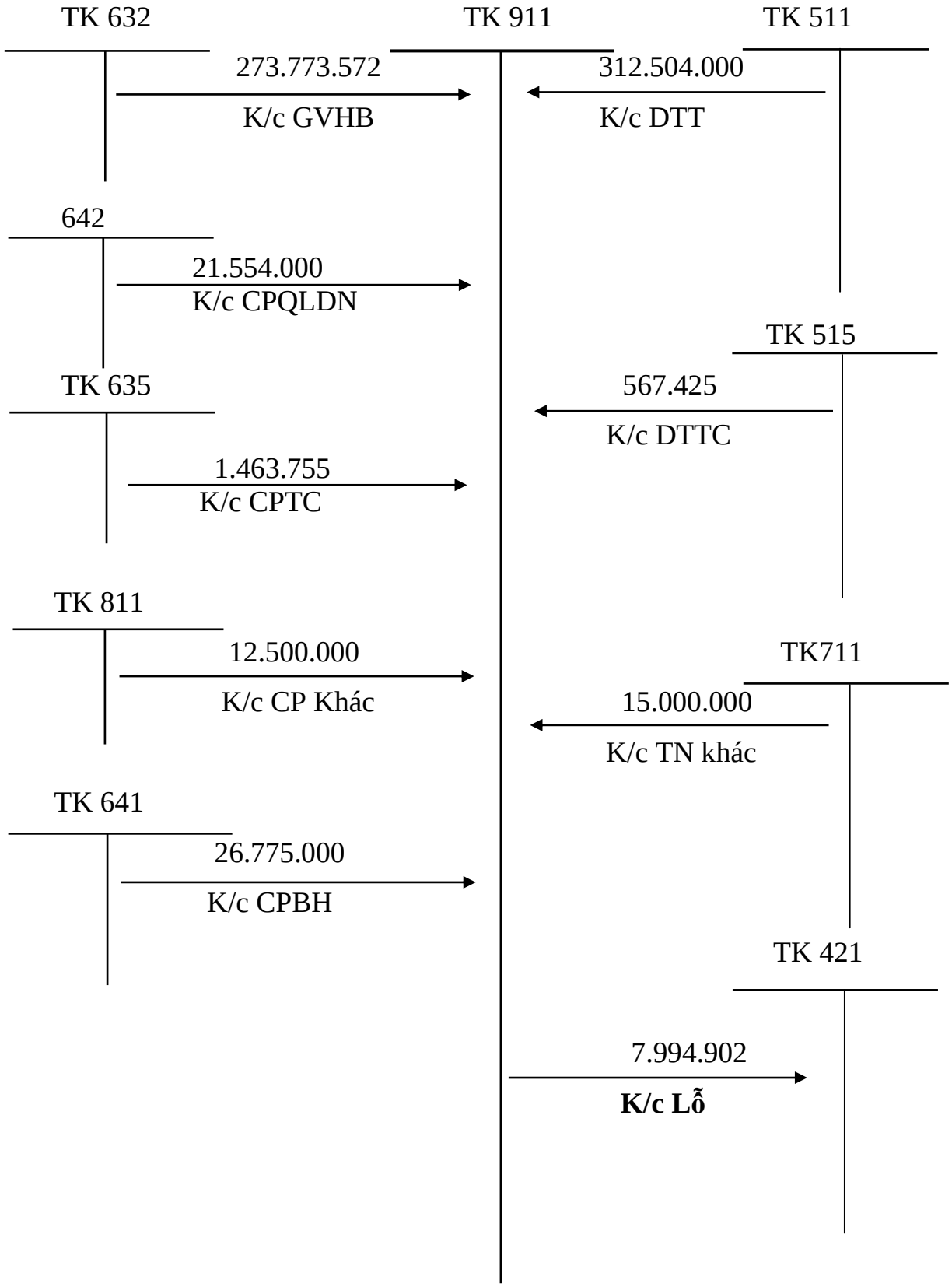

CÔNG TY TNHH AN HẢI LIÊN

Mẫu số B02 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.08	2.906.720.906	2.151.714.297
2. Các khoản giảm trừ	03		16.567.156	17.985.097
3. Doanh thu thuần về hàng bán và cung cấp dịch vụ	10		2.890.153.750	2.133.729.200
4. Giá vốn hàng bán	11		2.614.543.915	1.634.234.372
5. Lợi nhuận gộp về hàng bán và cung cấp dịch vụ (20=10–11)	20		275.609.835	499.494.828
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.297.300	276.300
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		8.382.956	6.994.233
- *Trong đó: Chi phí lãi vay*	*23*		*7.904.206*	*6.994.233*
8. Chi phí bán hàng	24		122.830.312	197.173.977
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		184.109.023	231.467.690
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		(36.415.156)	64.135.228
11. Thu nhập khác	31		15.000.000	3.000.000
12. Chi phí khác	32		12.500.000	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.500.000	3.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	IV.09	(33.915.156)	67.135.228
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			16.783.807
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(33.915.156)	50.351.421
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH AN HẢI LIÊN

3.1. Những nhận xét chung về tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán và kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh.

Nền kinh tế luôn vận động và phát triển mạnh mẽ đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh những thuận lợi, Công ty phải đương đầu không ít khó khăn do những yếu tố khách quan của thị trường và những yếu tố chủ quan khác. Với tiềm năng sẵn có cùng sự chỉ đạo của ban lãnh đạo và sự năng động, sáng tạo, nhiệt tình của công nhân viên, Công ty đã đạt được một số thành tựu lớn trong kinh doanh.

Qua thời gian tìm hiểu và tiếp cận với thực tế công tác quản lý, công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự quan tâm giúp đỡ tận tình của Ban lãnh đạo Công ty, cán bộ và nhân viên phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em nghiên cứu, làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức đã học ở nhà trường.

Tuy tìm hiểu về thực tiễn chưa lâu cũng như chưa có nhiều thời gian để tìm hiểu rõ hơn công tác kế toán của Công ty. Nhưng qua bài khoá luận này em xin mạnh dạn trình bày một số ý kiến nhận xét về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty. Em hy vọng nó sẽ đóng góp một phần nhỏ để công tác kế toán của Công ty ngày càng hoàn thiện hơn.

3.1.1. Những ưu điểm.

3.1.1.1. Về tổ chức quản lý

Cơ chế thị trường thay đổi cũng là lúc Công ty gặp nhiều khó khăn về vốn, thị trường tiêu thụ nhưng dưới sự quản lý của ban giám đốc: Công ty TNHH An Hải Liên đã tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức tập trung, gọn nhẹ, linh hoạt và rất hiệu quả. Việc tổ chức bộ máy quản lý như hiện nay là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người.

3.1.1.2. Về công tác kế toán.

1.Về tổ chức bộ máy kế toán

- Là một Công ty có qui mô nhỏ vì vậy việc áp dụng mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung là khá phù hợp. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hoá của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

- Về nhân sự, bộ phận kế toán có năm người gồm một kế toán trưởng và bốn kế toán viên rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại Công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có bề dày kinh nghiệm, vững vàng kiến thức chuyên môn (trình độ đều từ Cao đẳng trở lên) giúp cho công tác kế toán tại Công ty đạt hiệu quả cao.

2.Về hình thức kế toán:

Công ty hiện nay đang áp dụng hình thức kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách kế toán sử dụng phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của kế toán viên

Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

3.*Về chứng từ kế toán sử dụng:*

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp(Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QD-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

Chứng từ kế toán của công ty được lập theo đúng nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm

an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

4.Về sổ sách kế toán sử dụng:

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra nhưng sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

5.Về hệ thống báo cáo kế toán:

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do Nhà nước quy định (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính).

3.1.1.3. Về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Tổ chức thông tin tại Công ty được thực hiện khá tốt, luôn cập nhật kịp thời, chính xác những thay đổi mới về chế độ, chuẩn mực kế toán trong đó có vấn đề doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Cụ thể, hiện nay Công ty đang thực hiện công tác kế toán theo quy định trong quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp,...

Việc cập nhật kịp thời cũng như việc áp dụng những quy định mới về chế độ kế toán giúp cho Công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, tránh được những sai sót không đáng có.

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Công ty đảm bảo hạch toán doanh thu đầy đủ, kịp thời. Cụ thể các hóa đơn GTGT được nhập ngay vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ trên tất cả các sổ sách liên quan.

- Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng được cập nhật nhanh chóng, chi tiết .

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng tháng vì vậy sẽ luôn đảm bảo được quá trình cung cấp thông tin kịp thời về kết quả hoạt động kinh doanh, giúp cho Ban lãnh đạo Công ty ra những quyết định về kinh doanh để ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận.

Doanh nghiệp đã lập khoản dự phòng phải thu khó đòi để tránh những rủi do cho Công ty. Đây là một ưu điểm đối với Công Ty.

3.1.2. Những tồn tại trong doanh nghiệp.

Bên cạnh những ưu điểm về tổ chức quản lý, công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng thì Công ty còn một số mặt hạn chế nhất định như:

3.1.2.1.Về tổ chức quản lý

Trong năm 2010 vừa qua với kết quả đạt đươc doanh thu tăng so với năm 2009 nhưng lợi nhuận sau thuế lại thấp hơn so với năm 2009. Điều đó cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã không hoàn thành chỉ tiêu.

So sánh kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010, năm 2009

CHỈ TIÊU	**Năm 2010**	**Năm 2009**	**Chênh lệch năm 2010/năm 2009**	
			+/-	**%**
1. Doanh thu BH và CCDV	2.906.720.906	2.151.714.297	755.006.609	35
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16.567.156	17.985.097	-1.417.941	-7.8
3. Doanh thu thuần về BH và CCDV	2.890.153.750	2.133.729.200	756.424.550	35.5
4. Giá vốn hàng bán	2.614.543.915	1.634.234.372	980.309.543	59.9
5. Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	275.609.835	559.494.828	-283.884.993	-50.7
6. Doanh thu hoạt động tài chính	3.297.300	276.300	3.021.000	109.3
7. Chi phí tài chính	8.382.956	6.994.233	1.388.723	19.8
- *Trong đó: Chi phí lãi vay*	*7.904.206*	*6.994.233*	*909.973*	*13*
8. Chi phí bán hàng	122.830.312	197.173.977	-74.343.665	-37.7
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	184.109.023	231.467.690	-47.358.667	-20.5
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-36.415.156	64.135.228	-100.550.384	-156.8
11. Thu nhập khác	15.000.000	3.000.000	12.000.000	400
12. Chi phí khác	12.500.000		12.500.000	
13. Lợi nhuận khác	2.500.000		2.500.000	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-33.915.156	67.135.228	-101.050.384	-150.5
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		16.783.807	-16.783.807	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**-33.915.156**	**50.351.421**	**-84.266.577**	

Xem xét các chỉ tiêu phản ánh doanh thu và chi phí ta thấy:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2010 tăng lên so với năm 2009 là 755.006.609 đồng tương ứng với tỷ lệ 35%. Có thể thấy đây là sự cố gắng rất lớn của Công ty trong kinh doanh làm tăng doanh thu thuần, tạo điều kiện gia tăng lợi nhuận kinh doanh của Công ty. Nhưng Tốc độ tăng của giá vốn hàng bán là 59.9 % cao hơn tốc độ tăng của doanh thu thuần. Đây là một xu hướng làm giảm lợi nhuận của Công ty, cần tìm ra biện pháp để khắc phục.

- Trong năm chi phí bán hàng giảm 74.343.665 đồng tức là giảm 37.7%. Đây là một chiều hướng tốt, Công ty cần phát huy.

- Trong năm chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 47.358.667 tức là giảm 20.5 %. Đây là một xu hướng làm tăng lợi nhuận của công ty, công ty cần phát huy điều này.

- Doanh thu tài chính của Công ty trong năm cũng tăng 109.3 % tương ứng 3.021.000 đồng Bên cạnh đó chi phí tài chính tăng 1.388.723 tương ứng 19.8 %. Tốc độ tăng của chi phí tài chính chậm hơn tốc độ tăng của doanh thu... Trong chi phí tài chính chi phí lãi vay đã tăng 909.973 đồng tức tăng 13% do trong năm 2010 Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn, đây là điều đáng phát huy.

Như vậy có thể thấy năm 2010 doanh thu bán hàng tăng nhằm góp phần để tăng doanh thu thuần, điều đó không những làm tăng lợi nhuận mà còn gia tăng tốc độ luân chuyển vốn. Bên cạnh đó giá vốn lại tăng có thể là do giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng (Điện, nước, xăng, dầu..), do việc sử dụng chi phí trong doanh nghiệp chưa hiệu quả. Với tốc độ tăng của chi phí cao hơn doanh thu do vậy làm ảnh hưởng tới lợi nhuận của doanh nghiệp điều này là nguyên nhân chính làm cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bị lỗ. Trong khi đó các khoản chi phí đều tăng nhưng với tốc độ chậm hơn tốc độ tăng của doanh thu và lợi nhuận nên công ty cần tiếp tục phát huy. Tuy nhiên cần chú ý tìm biện pháp làm giảm chi phí để không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

3.1.2.2. Về công tác kế toán

1. Về hình thức kế toán

Hiện nay, tại Công ty đang sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ, mặc dù chứng từ ghi sổ đã được lập nhưng thiếu Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ, khiến cho việc quản lý các chứng từ ghi sổ không được chặt chẽ, các chứng từ ghi sổ không được sắp xếp đún trình tự để vào Sổ cái, khó khăn trong việc kiểm tra, đối chiếu giữa Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với Bảng cân đối số phát sinh.

2.Về sử dụng công nghệ thông tin

Trong điều kiện kinh tế thị trường, tình trạng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến động về quy mô, ngành nghề sản xuất kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức kinh doanh, ... Hơn nữa nhu cầu quản lý Nhà nước về tài chính kế toán, thuế, Ngân hàng, thị trường chứng khoán, ... cũng như yêu cầu quản lý kinh doanh của doanh nghiệp đòi hỏi cần có phần mềm kế toán mới đáp ứng tốt hơn và nâng cao chất lượng thông tin được cung cấp.

3. Sổ sách kế toán

Không mở sổ chi tiết theo dõi các tài khoản, điều này rất dễ gây nhầm lẫn trong quá trình theo dõi các tài khoản, việc hạch toán không chính xác kết quả không đáp ứng yêu cầu thông tin của lãnh đạo.

3.1.2.3.Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Công ty có nhiều hình thức bán hàng (bán buôn, bán lẻ) nhưng kế toán không theo dõi chi tiết từng mặt hàng theo từng phương thức xuất bán. Điều này rất dễ gây nhầm lẫn trong quá trình theo dõi doanh thu, việc hạch toán không chính xác kết quả bán hàng và không đáp ứng được yêu cầu thông tin của lãnh đạo.

3.1.3. Các nguyên nhân cơ bản của tồn tại.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những thiếu sót, tồn tại trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH An Hải Liên trong đó bao gồm cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

3.1.3.1. Nguyên nhân chủ quan.

Do tài chính của Công ty còn khó khăn ,chưa có khả năng nâng cấp công tác hạch toán kế toán.

Lao động chưa có trình độ cao, chưa thu hút được đội ngũ lao động trẻ.

3.1.3.2. Những nguyên nhân khách quan.

Trong năm 2010 sự biến động của thị trường việc giá cả của các mặt hàng thiết yếu tăng cao (điện, nước, xăng, dầu..) đã có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Do thói quen công việc của các cán bộ nhân viên phòng tài chính kế toán, là một công ty đã trải qua quá trình phát triển lâu dài có rất nhiều thói quen trong công việc đã ăn sâu vào nếp nghĩ, nếp làm của cán bộ nhân viên.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH An Hải Liên.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện.

Ngày nay với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật và sự hội nhập kinh tế của Nhà nước với nền kinh tế quốc tế diễn ra ngày càng sâu sắc, đòi hỏi mỗi cá nhân nói chung và mỗi doanh nghiệp nói riêng không thể hài lòng với những gì mình đã đạt được. Để chiếm lĩnh thị trường các doanh nghiệp đang cạnh tranh hết sức gay gắt và sự thành bại của doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào công tác kế toán. Thông qua việc kiểm định ghi chép, tính toán tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp cân đối có thể biết các thông tin một cách đầy đủ, chính xác, toàn diện về tài sản và sự vận động của tài sản. Các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn, kịp thời trong từng thời kỳ. Vì vậy phải hoàn thiện và đổi mới không ngừng công tác kế toán để phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Trong hoạt động kinh doanh thương mại quá trình tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp được đưa lên hàng đầu, đồng thời quá trình

này còn là yếu tố quyết định tới sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác đinh kết quả kinh doanh là một vấn đề rất quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

3.2.2. Mục đích, yêu cầu, phạm vi, nguyên tắc của hoàn thiện.

3.2.2.1. Mục đích của hoàn thiện

- Khắc phục những thiếu sót

- Đưa ra những giải pháp để từ đó doanh nghiệp có những bước đi đúng đắn trong tương lai.

3.2.2.2.Yêu cầu của hoàn thiện

Do tầm quan trọng của phần hành kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên hoàn thiện phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Thứ nhất, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tổ chức, tôn trọng chế độ kế toán. Kế toán là một công cụ quản lý tài chính quan trọng của Nhà nước, do đó tuân thủ đúng chế độ sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và các cơ quan quản lý. Do chế độ kế toán chỉ dừng lại ở kế toán tổng hợp nên việc vận dụng linh hoạt vào mỗi doanh nghiệp là hết sức cần thiết nhưng phải trong khuôn khổ cơ chế tài chính và tôn trọng chế độ kế toán.

Thứ hai, hoàn thiện trên cơ sở đảm bảo công tác kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Thứ ba, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc kế toán nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học, đảm bảo hiệu quả của công tác nói chung.

3.2.2.3. Nguyên tắc của hoàn thiện

- Không làm ảnh hưởng tới các hoạt động khác trong doanh nghiệp

- Tôn trọng các chuẩn mực nhà nước đưa ra

3.2.3.4. Phạm vi của hoàn thiện

Trong công ty trách nhiệm hữu hạn An Hải Liên

3.2.3. Những ý kiến hoàn thiện

Sau một thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty dưới góc độ là

một sinh viên em mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Ý kiến mà em đề xuất dưới đây có thể chưa được tốt nhất xong em hy vọng sẽ góp phần nào vào việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty và giúp cho công tác kế toán phù hợp với chế độ quy định.

Kiến nghị 1 : Công ty cần quan tâm hơn nữa đến việc làm tăng doanh thu, giảm chi phí.

- ***Về doanh thu***

Doanh thu có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của công ty. Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho công ty có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Để làm được điều đó, Công ty TNHH An Hải Liên cần xem xét một số biện pháp sau để có thể làm tăng doanh thu cho công ty:

- Tích cực tìm hiểu, mở rộng thị trường trong nước, duy trì và ổn định thị trường truyền thống đồng thời đẩy mạnh tốc độ cung cấp dịch vụ, thường xuyên nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ phục vụ khách hàng. Đây là nhân tố quan trọng góp phần làm tăng doanh thu cho công ty.

- Trong trường hợp các nhân tố khác không đổi, thì việc thay đổi giá bán nguyên nhiên liệu, giá cước xếp dỡ… cũng có ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu. Việc thay đổi giá bán, giá cước … một phần quan trọng do quan hệ cung cầu trên thị trường quyết định. Do vậy, để đảm bảo doanh thu, công ty cần có những quyết định cụ thể về giá cả. Công ty nên có những chính sách giảm giá với những khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Làm sao cho giá cả phải bù đắp được chi phí đã tiêu hao và tạo nên lợi nhuận thỏa đáng cho công ty.

- ***Về chi phí***

Mặc dù doanh thu năm 2010 tăng so với năm 2009, nhưng doanh nghiệp kinh doanh lại bị lỗ. Do vậy, để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh hơn nữa, doanh nghiệp cần tiết kiệm tối đa chi phí. Như vậy, để giảm chi phí một cách có hiệu quả để làm tăng lợi nhuận của Công ty thì cần xem xét một số biện pháp sau:

− Thường xuyên đổi mới kỹ thuật, ứng dụng kịp thời các thành tựu tiến bộ khoa học kỹ thuật. Tuy nhiên, việc đầu tư đổi mới công nghệ kỹ thuật thường đòi hỏi vốn đầu tư lớn, vì vậy doanh nghiệp phải có những biện pháp cụ thể, phù hợp để huy động, khai thác các nguồn vốn đầu tư cho doanh nghiệp.

− Không ngừng hoàn thiện và nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động trong doanh nghiệp để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí lao động vật tư, chi phí quản lý, hạn chế tối đa các thiệt hại tổn thất trong quá trình sản xuất…từ đó có thể tiết kiệm được chi phí một cách đáng kể.

− Đội ngũ lao động của Công ty luôn gắn liền với quỹ lương của Công ty. Để tiết kiệm khoản chi này, công ty không thể giảm tiền lương và càng không thể giảm mức sống của người lao động mà chỉ có cách là quản lý sử dụng tiết kiệm lao động.

Quản lý lao động gồm nhiều mặt, nhiều nội dung song công ty nên tập trung vào sự hình thành cơ cấu lao động tối ưu: Cơ cấu lao động được coi là tối ưu khi lực lượng lao động đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng và được phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa các bộ phận và cá nhân với nhau, đảm bảo cho mọi người đều có việc làm.

− Từ thực tế quản lý và sử dụng chi phí kinh doanh, theo định kỳ hoặc hàng năm công ty cần tiến hành phân tích, đánh giá lại tình hình quản lý, sử dụng chi phí. Từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm và biện pháp phù hợp để có thể tiết kiệm chi phí trong thời gian tới.

Kiến nghị 2: Sử dụng sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Về trình tự ghi sổ kế toán Công ty TNHH An Hải Liên sử dụng hình thức ghi sổ "Chứng từ ghi sổ ". Nhưng trong thực tế kế toán Công ty lại không sử dụng Sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ, đây là một thiếu sót cần khắc phục ngay vì Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ là một sổ kế toán tổng hợp được ghi chép theo thời gian, phản ánh toàn bộ chứng từ ghi sổ đã lập trong tháng. Nó có tác dụng:

Quản lý chặt chẽ chứng từ ghi sổ, kiểm tra đối chiếu số liệu với Sổ cái.

Mọi chứng từ ghi sổ sau khi đã lập xong đều phải đăng kí vào Sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ để lấy số liệu về ngày tháng.

Số hiệu của các chứng từ ghi sổ được đánh số liện tục từ đầu tháng đến cuối tháng, ngày tháng trên chứng từ ghi sổ được tính theo ngày tháng ghi vào "Sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ ".

Tổng số tiền trên Sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ bằng số phát sinh bên Nợ và số phát sinh bên Có trên Bảng cân đối số phát sinh. Điều này giúp cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu được chính xác và nhanh chóng.

Từ những tác dụng nêu trên, Công ty nên đưa Sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ vào để sử dụng cho phù hợp với hình thức kế toán sử dụng. Chứng từ ghi sổ.

Sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ được lập theo mẫu..

Đơn vị: …….. Mẫu số: S02b – DN
Địa chỉ : ……... (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm:

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
Cộng tháng		
Cộng luỹ kế từ đầu quý		

Sổ này có … trang, đánh số từ trang số 01 đến trang…
Ngày mở sổ … Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập sổ (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng (Ký, họ tên)

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Mẫu số S02b- DN)

Nội dung:

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian. Sổ này vừa dùng để đăng ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý chứng từ ghi sổ, vừa để kiểm tra, đối chiếu số liệu với bảng cân đối số phát sinh.

Kết cầu và phương pháp ghi chép:

Cột A : Ghi số hiệu của chứng từ ghi sổ

Cột B : Ghi ngày, tháng lập chứng từ ghi sổ

Cột 1 : Ghi số tiền của chứng từ ghi sổ

Cuối trang sổ phải cộng số luỹ kế để chuyển sang trang sau.

Đầu trang sổ phải ghi số cộng trang trước chuyển sang.

Cuối tháng, cuối năm kế toán tổng cộng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ.

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân - Hp

Mẫu số: S02b – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm: 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
CT01	1/12	18.250.000
CT02	1/12	14.267.158
CT03	1/12	9.567.138
CT04	1/12	15.240.300
……	…….	
CT15	2/12	10.230.000
CT16	2/12	27.500.000
……	……	
CT20	05/12	32.500
….		
CT72	31/12	156.825
….		
CT90	31/12	425.219
CT94	31/12	11.000
CT95	31/12	120.000
CT98	31/12	18.567.167
….		
Cộng tháng		
Cộng luỹ kế từ đầu quý		

Sổ này có … trang, đánh số từ trang số 01 đến trang…
Ngày mở sổ …

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

***Kiến nghị 3*: Áp dụng phần mềm vi tính vào công tác hạch toán kế toán.**

Kinh tế thị trường ngày càng phát triển thì quy mô hoạt động của doanh nghiệp càng phát triển, mối quan hệ kinh tế pháp lý mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao, làm cho nhu cầu thu nhận, xử lý cung cấp thông tin ngày càng khó khăn, phức tạp. Vì vậy việc ứng dụng tin học trong công tác kế toán có ý nghĩa rất lớn.

Do vậy cần thiết phải sử dụng phần mềm kế toán bởi vì:

- Giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán

- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính của Công ty

- Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà Công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài

- Làm cho công việc của các kế toán sẽ không phải mất thời gian tìm kiếm, kiểm tra các số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhàm chán để giành thời gian nhiều hơn cho lao động sáng tạo của Cán bộ quản lý.

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán phải được thiết kế theo nguyên tắc ghi sổ của hình thức "Chứng từ ghi sổ".

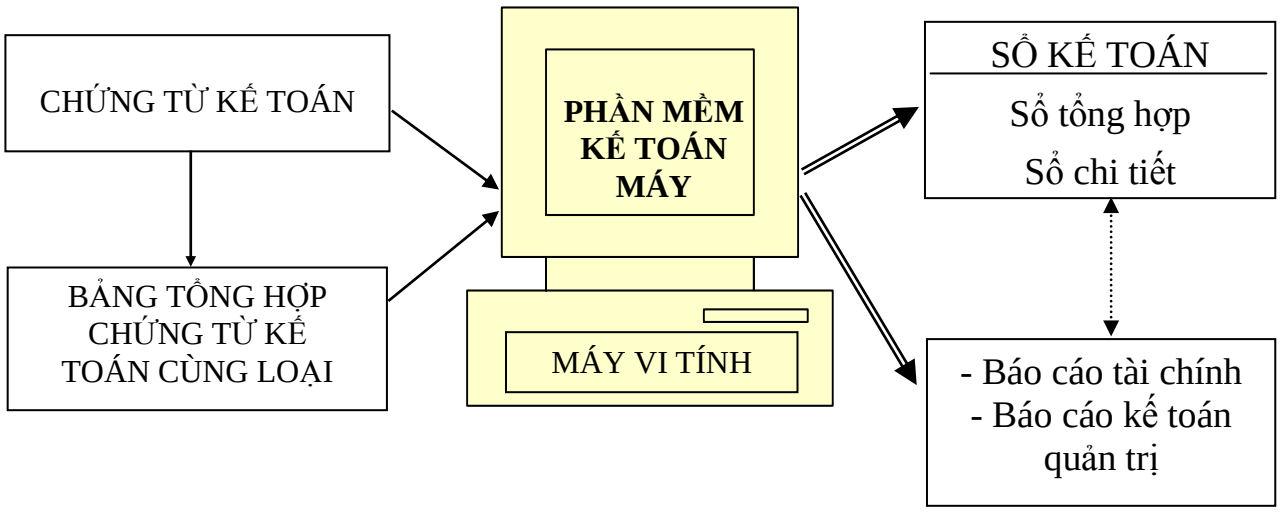

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày

In sổ, báo cáo cuối tháng,quý, năm

Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 3.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy.

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái, ...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo tính chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sau đây là một số phần mềm kế toán máy Công ty có thể tham khảo và áp dụng:

– Phần mềm ACMAN: ACMAN được thiết kế và lập trình trên công nghệ hiện đại theo quy chuẩn của Bộ Tài chính. Với phần mềm này người sử dụng chỉ cần cập nhật số liệu đầu vào phát sinh theo hệ thống chứng từ, máy tính sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

– Phần mềm kế toán MISA: Đây là phần mềm được phát triển trên cơ sở phân tích tỉ mỉ, bao trùm hầu hết các phần hành kế toán của nhiều loại hình DN. Với tiêu chí "Đơn giản hoá, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của DN. MISA được đánh giá là phần mềm có hiệu quả cao trong công tác kế toán - quản trị doanh nghiệp, phù hợp với loại hình doanh nghiệp: thương mai dịch vụ, sản xuất và xây lắp.

– Phần mềm kế toán KTVN: Đây là phần mềm thiết kế đơn giản, dễ sử

dụng và có thể vận dụng linh hoạt cho nhiều nhu cầu quản lý hạch toán khác nhau.

+ Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

- Việc tổ chức ghi chép hạch toán vào sổ kế toán tài chính, kế toán quản trị, máy tính nhận số liệu do kế toán viên nhập các chứng từ liên quan vào.

- Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý và hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, người sử dụng máy sẽ khai báo với những yêu cầu cần thiết(sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin yêu cầu.

Việc thay đổi này đòi hỏi công ty phải có một sự nghiên cứu, đầu tư, đào tạo cán bộ về tin học, tuy nhiên hiệu quả kinh tế đem lại cho doanh nghiệp là rất cao.

<u>Kiến nghị 4:</u> Sử dụng sổ chi tiết

Công ty nên mở sổ chi tiết hay bảng kê chí tiết đầy đủ. Nhờ vậy, công ty sẽ dễ dàng và tiết kiệm được thời gian, công sức hơn trong việc tra cứu tìm kiếm các chứng từ khi cần thiết.

Sơ đồ 3.1: ***Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ***

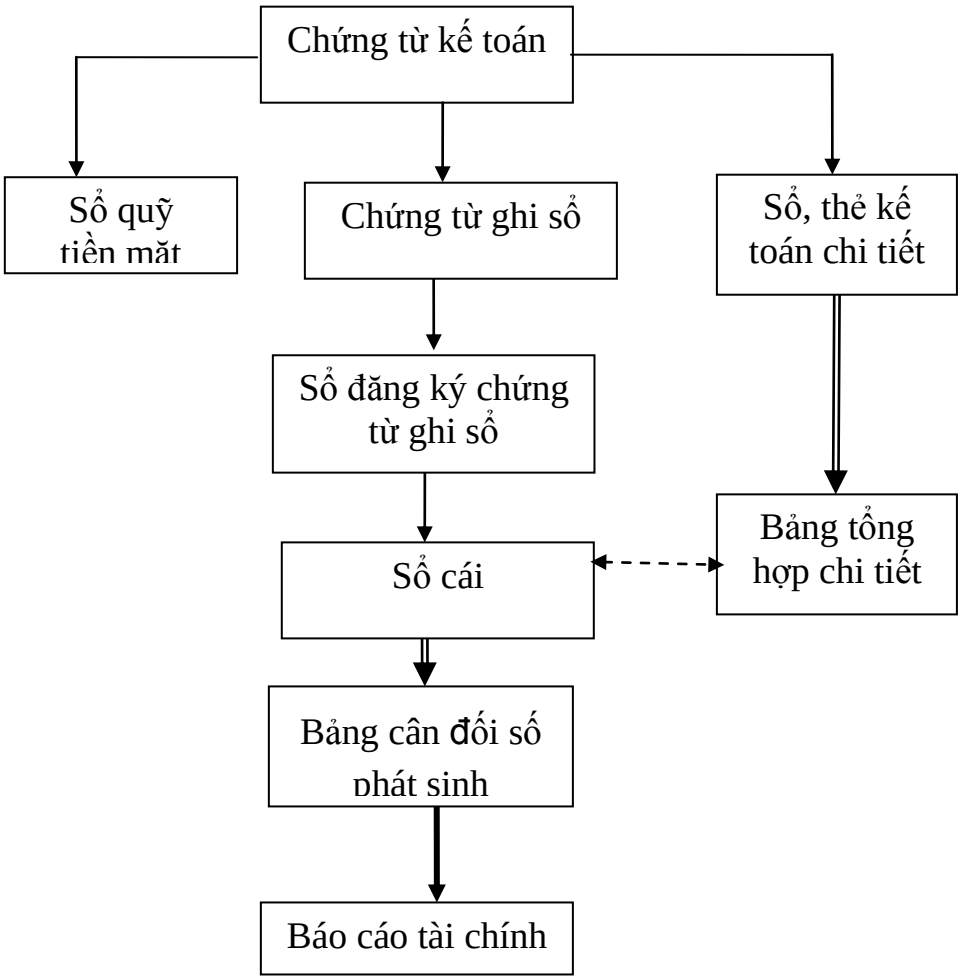

Ghi chú:

Ghi hàng ngày ——→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←- - - -→

Ghi cuối tháng ═══→ Ghi cuối năm ——→

Công ty nên sử dụng mẫu sổ chi tiết theo QĐ15/2006/QĐ-BTC Mẫu sổ như sau:

Đơn vị: ……
Địa chỉ :……

Mẫu số:S31 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

(Dùng cho TK: 131, 331)
Tài khoản :
Đối tượng :

Ngày Tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh						
			Cộng số phát sinh						
			Số dư cuối kỳ						

Sổ này có… Trang đánh số từ trang 01 đến trang….

Ngày .. tháng .. năm …

Ngày mở sổ

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

VD: Trong nghiệp vụ bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH An Hải Liên Mẫu số: S31 - DN

Khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản : 131

Đối tượng : Đại lý Thái Hoà

Ngày Tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh						
			……						
4/12	CT17	4/12	Bán cho đại lý Thái Hoà	511		1.625.000			
			Thuế GTGT	3331		162.500			
5/12	CT20	5/12	Gi ảm giá hàng bán	532			32.500		
			Thuế GTGT	3331			3.200		
			…….						
			Cộng số phát sinh						
			Số dư cuối kỳ						

Sổ này có… Trang đánh số từ trang 01 đến trang…. Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngày mở sổ Người ghi sổ Kế toán trưởng

(Ký, họ tên) (Ký, họ và tên)

CÔNG TY TNHH AN HẢI LIÊN
Khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – HP

BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 12 NĂM 2010

Ghi nợ TK 111

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi có các tài khoản						
				141	112	131	511	3331	TK khác	Số tiền
		……..								
01	CT05	KH trả tiền	17.511.000			17.511.000				
02	***CT15***	***Thu tiền bán hàng***	***10.230.000***				***9.300.000***	***930.000***		
	……									
27	CT80	Rút tiền gửi nhập quỹ	9.000.000		9.000.000					
28	CT81	Phải thu khác	173.896						138	173.896
		……..								
		Cộng								

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH An Hải Liên
Khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân - Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tháng 12 năm 2010

STT	Đối tượng chi tiết	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ		Ghi chú
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	
	Cộng							

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

Kiến nghị 05: Lập sổ chi tiết bán hàng

Sổ này mở theo từng sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ đã bán hoặc cung cấp được khách hàng thanh toán tiền ngay hay chấp nhận thanh toán

Đơn vị:…… Mẫu số S35-DN

Địa chỉ:…… (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK:…….

Tên sản phẩm(hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư):…..

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521,531,532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			……..						
			……..						
			Cộng số PS						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						

Ngày… tháng… năm…

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Căn cứ và phương pháp ghi sổ:

Cột A: Ghi ngày, tháng, kế toán ghi sổ.

Cột B, C : Ghi số hiệu, ngày tháng của chứng từ dùng để ghi sổ.

Cột D : Ghi nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Cột E : Ghi số hiệu tài khoản đối ứng.

Cột 1, 2, 3 : Ghi số lượng, đơn giá và số tiền của khối lượng hàng hoá (sản phẩm, bất động sản đầu tư, dịch vụ) đã bán hoặc đã cung cấp.

Cột 4 : Ghi số thuế giá trị gia tăng (Thuế Tiêu thụ đặc biệt. thuế xuất nhập khẩu) phải nộp tính trên doanh số bán của số hàng hoá (sản phẩm, dịch vụ, BĐS đầu tư) đã bán hoặc đã cung cấp.

Cột 5 : Ghi số phải giảm trừ vào doanh thu (nếu có) như : Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán.

Sau khi cộng số phát sinh, tính chỉ tiêu " Doanh thu thuần" ghi vào cột 3

Cột 3 = Cột 3 trừ (-) Cột 4 và Cột 5. Chỉ tiêu "giá vốn hàng bán ": Ghi sổ giá vốn của hàng hoá(sản phẩm, bất động sản đầu tư, dịch vụ) đã bán

Chỉ tiêu " Lãi gộp" bằng (=) chỉ tiêu "doanh thu thuần" trừ (-) chỉ tiêu "giá vốn hàng bán".

Đơn vị:……

Địa chỉ:……

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK: 5111

Tên sản phẩm: Bột canh

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521,531,532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
2/12	CT15	02/12	Bán hàng cty Tân Nam Phong	111	100	80.000	8.000.000		
02/12	CT16	02/12	Bán cho đại lý anh Đạt	111	75	80.000	6.000.000		
			……..						
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						

Ngày… tháng… năm…

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT
DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tháng 12 năm 2010

Số hiệu tài khoản	Tên	Số tiền
5111	Doanh thu bán bột canh	
5112	Doanh thu bán tương ớt	
511	**Doanh thu bán hàng**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu — Kế toán trưởng

(ký, họ và tên) — (Ký, họ và tên)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT
GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tháng 12 năm 2010

Số hiệu tài khoản	Tên	Số tiền
6321	Giá vốn bột canh	
6322	Giá vốn tương ớt	
632	**Giá vốn hàng bán**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu — Kế toán trưởng

(Ký, họ và tên) — (Ký, họ và tên)

Kiến nghị 6: ***Đối với việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Công ty nên lập dự phòng phải thu khó đòi bởi vì hoạt động của Công ty là hoạt động thương mại, hơn nữa Công ty chủ yếu bán chịu cho khách hàng, do vậy khoản phải thu khách hàng của Công ty là cao. Theo báo cáo công nợ của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 có tới gần 10% số nợ đã quá hạn thanh toán. Khi Công ty không lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi cho 10% số nợ quá hạn này thì có thể sẽ dẫn đến tình trạng là đến thời điểm các khoản nợ này được liệt vào các khoản nợ phải được xử lý thì Công ty sẽ mất đi một khoản vốn kinh doanh đột ngột mà do không lập dự phòng nên sẽ không có gì để bù đắp vào khoản vốn bị mất ấy, từ đó sẽ dẫn đến tình trạng Công ty bị thiếu hụt vốn kinh doanh. Đây là một điều không tốt đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào đặc biệt là doanh nghiệp kinh doanh thương mại nơi mà nguồn vốn kinh doanh nắm giữ một vai trò vô cùng quan trọng. Do vậy để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, đảm bảo ổn định và chủ động về tình hình tài chính thì việc lập dự phòng phải thu khó đòi là rất cần thiết và thiết thực. Cụ thể, việc lập dự phòng phải thu khó đòi của Công ty nên dựa trên cơ sở Thông tư số 13/2006/TT-BTC hướng dẫn về việc lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:

Là các khoản nợ phải thu đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị

các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên coi như nợ không có khả năng thu hồi và được xử lý theo quy định tại điểm 3.4 của Thông tư.

Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án, ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Xử lý khoản dự phòng:

- Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định nêu trên; nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó, thì doanh nghiệp không phải trích lập;

- Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch;

- Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

Xử lý tài chính đối với nợ không có khả năng thu hồi:

Tổn thất thực tế của từng khoản nợ không thu hồi được khoản chênh lệch giữa nợ phải thu ghi trên sổ kế toán và số tiền đã thu hồi được (do người gây ra thiệt hại đền bù, do phát mại tài sản của đơn vị nợ hoặc người nợ, do được chia tài sản theo quyết định của tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác).

Giá trị tổn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi, doanh nghiệp sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính (nếu có) để bù đắp, phần chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản nợ phải thu sau khi đã có quyết định xử lý, doanh nghiệp phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và ngoại bảng cân đối kế toán trong thời hạn tối thiểu là 5 năm và tiếp tục có các biện pháp để thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập khác.

Sau khi tính toán được khoản trích lập dự phòng, kế toán định khoản các nghiệp vụ phát sinh liên quan như sau:

1, Cuối kỳ kế toán năm, kế toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập, kế toán Công ty tiến hành ghi:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

2, Nếu dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, Kế toán ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: Chi phí QLDN (chi tiết hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi)

3, Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được phép xóa nợ, việc xoá nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi bên Nợ TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý

4, Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi lại được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112, ...

Có TK 711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý

Ví dụ cụ thể:

Theo như Báo cáo công nợ của Công ty, Công ty TNHH Tân Nam Phong có một khoản nợ phát sinh từ tháng 06/2009 do mua hàng. Trên hợp đồng kinh tế đối với Tân Nam Phong thì khoản nợ này phải được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng tức là thời hạn thanh toán là tháng 07/2009 nhưng trên thực tế thì đến tháng 12/2010 doanh nghiệp này vẫn chưa thanh toán hết nợ. Mặt khác, theo Báo cáo công nợ thì hiện tại doanh nghiệp này đang được đánh giá là khả năng thanh toán thấp do đang trong giai đoạn kinh doanh khó khăn và không tiếp tục mua hàng của Công ty nữa. Vì vậy, kế toán có thể tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với công ty TNHH Tân Nam Phong như sau:

Do khoản nợ tính đến 01/2010 là 7 tháng nên kế toán được phép trích 30% khoản nợ 215.894.209 VNĐ. Như vậy khoản dự phòng cho năm 2010 của công ty TNHH Tân Nam Phong sẽ bằng:

215.894.209 x 30% = 64.768.263 VNĐ

Kế toán sẽ định khoản là:

Nợ TK 642: 64.768.263 VNĐ

Có TK 139: 64.768.263 VNĐ

Trường hợp Công ty có nhiều đối tượng phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi thì kế toán sau khi tính từng khoản trích lập dự phòng cho từng đối tượng thì phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một vai trò rất lớn trong công tác quản lý của doanh nghiệp. Nếu hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn, mở rộng sản xuất tăng thu nhập.

Khoá luận: ***"Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH An Hải Liên"*** đã giải đáp được các vấn đề sau về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

1, Về mặt lý luận khoá luận đã nêu và hệ thống được những nét chính, nét cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

2, Về mặt thực tiễn: Khoá luận đã phán ánh tình hình số liệu, công tác tổ chức hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH An Hải Liên năm 2010 để chứng minh cho lập luận đã đưa ra..

3, Về những biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty TNHH An Hải Liên khoá luận đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu, đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, từ đó nêu ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tập trung vào: Tổ chức bộ máy kế toán, tổ chức hệ thống sổ sách kế toán, ghi chép, hạch toán. Tuy nhiên các kiến nghị còn mang màu sắc lý luận nhiều hơn, song đều xuất phát từ thực tế có cơ sở vững chắc nên có tính khả thi cao, sẽ đem lại hiệu quả tốt nếu doanh nghiệp thực hiện hợp lý.

Với thời gian thực tập ngắn, kiến thức bản thân có hạn, vấn đề nghiên cứu thì rộng, tổng hợp, song được giúp đỡ, tận tình chỉ bảo của các cô chú, anh chị trong phòng kế toán tại công ty TNHH An Hải Liên và sự hướng dẫn nhiệt tình của Tiến sĩ Nguyễn Thành Tô đã giúp em hoàn thành được bài khoá luận này.

Sinh viên

Đoàn Thị Thu Hương

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) – Nhà xuất bản Tài chính.

2. Bộ tài chính : Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

3. Khóa luận tốt nghiệp của sinh viên Lưu Thị Hồng Liên lớp QT 903K

Khoá luận tốt nghiệp của sinh viên Đặng Thanh Loan lớp QT 803K

Khoá luận tốt nghiệp của sinh viên Đinh Thị Thanh Mai lớp QT 903K

4. Các trang web chính thức của Chính phủ, Nhà nước, các trang web kinh tế và các báo kinh tế,…

5. Tài liệu, sổ sách kế toán năm 2010 của công ty TNHH An Hải Liên.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG I. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP 3

1.1.Một số nét về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. 3

1.1.1. Doanh thu. 3

1.1.1.1. Khái niệm 3

1.1.1.2. Vị trí và vai trò của doanh thu 3

1.1.1.3. Các loại doanh thu và nguyên tắc xác định doanh thu 4

1.1.2. Chi phí 6

1.1.2.1. Khái niệm : 6

1.1.2.2.Vị trí và vai trò của chi phí 6

1.1.2.3. Các loại chi phí và nguyên tắc xác định chi phí. 7

1.1.3. Kết quả kinh doanh 8

1.1.3.1. Khái niệm: 8

1.1.3.2. Ý nghĩa của kết quả kinh doanh 8

1.1.3.3. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh 9

1.1.4. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 10

1.1.4.1. Vai trò 10

1.1.4.2. Nhiệm vụ 10

1.2. Tổ chức công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 11

1.2.1. Các trường hợp hạch toán hàng tồn kho 11

1.2.2. Hạch toán kế toán doanh thu trong doanh nghiệp 12

1.2.2.1. Hạch toán kế toán chi tiết doanh thu 12

1.2.2.2. Hạch toán kế toán tổng hợp tổng hợp doanh thu bán hàng 12

1.2.2.3. Hạch toán kế toán tổng hợp doanh thu hoạt động tài chính 15

1.2.2.4. Hạch toán kế toán tổng hợp các khoản giảm trừ doanh thu 16

1.2.2.5. Hạch toán kế toán tổng hợp thu nhập khác 18
1.2.3. Hạch toán kế toán giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan. 21
1.2.3.1. Hạch toán kế toán chi tiết giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan. .. 21
1.2.3.2. Hạch toán kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán. 21
1.2.3.3. Hạch toán kế toán tổng hợp chi phí tài chính 23
1.2.3.4. Hạch toán kế toán tổng hợp chi phí bán hàng 25
1.2.3.5. Hạch toán kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp 27
1.2.3.6. Hạch toán tổng hợp kế toán chi phí khác 29
1.2.3.7. Hạch toán kế toán tổng hợp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 31
1.2.4. Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh 31
1.2.4.1. Hạch toán kế toán chi tiết: 31
1.2.4.2. Hạch tóan kế toán tổng hợp: 31
CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH AN HẢI LIÊN 34
2.1. Tổng quan về công ty TNHH An Hải Liên 34
2.1.1. Lịch sử phát triển doanh nghiệp qua các thời kỳ : 34
2.1.2. Nhiệm vụ của Công ty : 35
2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động. 36
2.1.4. Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty TNHH An Hải Liên 38
2.1.5. Tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh tại công ty: 39
2.1.6. Tổ chức công tác kế toán tại công ty: 40
2.1.7. Đặc điểm tổ chức công tác hạch toán kế toán 41
2.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH An Hải Liên 43
2.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu tại công ty 43
2.2.1.1.Các loại doanh thu của Doanh nghiệp 43
2.2.1.2. Kế toán các loại doanh thu 43
2.2.2.Tổ chức công tác kế toán các khoản chi phí 64
2.2.2.1. Các loại chi phí trong doanh nghiệp 64

2.2.2.2. Kế toán các loại chi phí 64
2.2.3. Kế toán kết quả kinh doanh 83
2.2.3.1. Kết quả hoạt động kinh doanh 83
2.2.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh 83
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH AN HẢI LIÊN 93
3.1. Những nhận xét chung về tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán và kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh 93
3.1.1. Những ưu điểm. 93
3.1.1.1. Về tổ chức quản lý 93
3.1.1.2. Về công tác kế toán. 94
3.1.1.3. Về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 95
3.1.2. Những tồn tại trong doanh nghiệp. 96
3.1.2.2. Về công tác kế toán 99
3.1.2.3.Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 99
3.1.3. Các nguyên nhân cơ bản của tồn tại 99
3.1.3.1. Nguyên nhân chủ quan. 100
3.1.3.2. Những nguyên nhân khách quan. 100
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH An Hải Liên 100
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện. 100
3.2.2. Mục đích, yêu cầu, phạm vi, nguyên tắc của hoàn thiện. 101
3.2.2.1. Mục đích của hoàn thiện 101
3.2.2.2.Yêu cầu của hoàn thiện 101
3.2.2.3. Nguyên tắc của hoàn thiện 101
3.2.3.4. Phạm vi của hoàn thiện 101
3.2.3. Những ý kiến hoàn thiện 101
KẾT LUẬN 124

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đoàn Thị Thu Hương
Giảng viên hướng dẫn : TS.Nguyễn Thành Tô

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH AN HẢI LIÊN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đoàn Thị Thu Hương
Giảng viên hướng dẫn : TS. Nguyễn Thành Tô

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đoàn Thị Thu Hương Mã SV:110044

Lớp: QT1103K Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH An Hải Liên

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

……..
……..
……..

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thành Tô.....

Học hàm, học vị:.Tiến sỹ.....

Cơ quan công tác:Hội Đồng nhân dân thành phố.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN	Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên	*Người hướng dẫn*

Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

……..

……..

……..

……..

……..

……..

……..

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu…):

……..

……..

……..

……..

……..

……..

……..

……..

……..

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

……..

……..

……..

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)